

Ngày soạn:

BÀI 1:

THÔNG ĐIỆP TỪ THIÊN NHIÊN (TÙY BÚT, TẢN VĂN)

Thời gian thực hiện: 9 tiết

(Đọc: 4,5 tiết, Thực hành tiếng Việt: 1 tiết, Viết: 2 tiết, Nói và nghe: 1 tiết, Ôn tập 0,5 tiết)

A. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức:

- Nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tùy bút, tản văn.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, cảm hứng chủ đạo, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh.
- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học, tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.
- Giải thích được nghĩa của từ.
- Viết được bài thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như: miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.
- Biết giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật theo lựa chọn cá nhân (tác phẩm văn học, tác phẩm điện ảnh, âm nhạc, hội hoạ).
- Nắm bắt nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói; nêu được nhận xét, đánh giá về nội dung và cách thức thuyết trình; biết đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ.

2. Về năng lực: Phát triển *năng lực tự chủ và tự học*, *năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo* thông qua hoạt động đọc, viết, nói và nghe; *năng lực hợp tác* thông qua những hoạt động làm việc nhóm, chia sẻ, góp ý cho bài viết, bài nói của bạn.

3. Về phẩm chất: Biết yêu quý và có ý thức giữ gìn vẻ đẹp của thiên nhiên.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN 1: ĐỌC

Tiết 1,2 - VĂN BẢN 1: AI ĐÃ ĐẶT TÊN CHO DÒNG SÔNG?

Hoàng Phủ Ngọc Tường

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tùy bút qua văn bản *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, cảm hứng chủ đạo, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc; phát hiện được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh được thể hiện qua văn bản *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*
- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học, tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học qua văn bản *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*

2. Về năng lực:

Năng lực chung

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

Năng lực đặc thù

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức; nội dung của văn bản *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*
- Nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình của tùy bút.
- Phân tích được chủ đề, tư tưởng, cảm hứng chủ đạo, thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm.

3. Về phẩm chất:

- Biết yêu quý và có ý thức giữ gìn vẻ đẹp của thiên nhiên.
- Yêu quý, gắn bó với quê hương xứ sở.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0.

2. Học liệu:

Đối với giáo viên

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

Đối với học sinh

- SGK, SBT Ngữ văn 11.
- Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

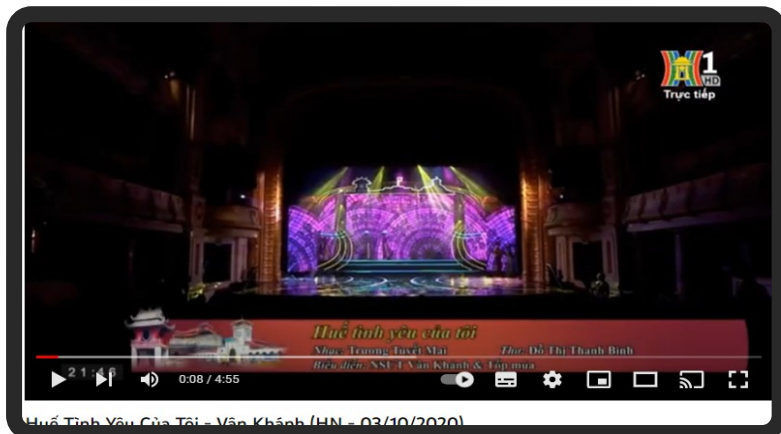
3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, huy động tri thức nền, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập tạo tâm thế tích cực cho HS khi vào bài học *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*

b. **Nội dung:** GV hướng dẫn HS thảo luận cặp đôi, chia sẻ cảm nhận cá nhân:

Lắng nghe ca khúc “*Huế tình yêu của tôi*” của nhạc sĩ Trương Tuyết Mai. Và trả lời câu hỏi sau:



- *Bạn biết gì về thành phố Huế? Hãy chia sẻ với các bạn của mình về điều đó.*

- *Dựa vào nhan đề và hình ảnh minh họa trong SGK trang 11, bạn dự đoán gì về nội dung của văn bản?*

c. **Sản phẩm:** Chia sẻ của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Nguồn: <https://www.youtube.com/watch?v=8tgErfdRHxQ>

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Bạn biết gì về thành phố Huế? Hãy chia sẻ với các bạn của mình về điều đó. - Dựa vào nhan đề và hình ảnh minh họa, bạn dự đoán gì về nội dung của văn bản?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS huy động tri thức nền, trải nghiệm cá nhân thực hiện yêu cầu được giao. - GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện (nếu cần thiết).</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: - GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày trước lớp. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p>	<p>1. Một số thông tin về thành phố Huế https://vi.wikipedia.org/wiki/Hu%E1%BA%BF - Huế là thành phố tỉnh lỵ của tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam; - Huế từng là kinh đô (cố đô Huế) của Việt Nam dưới triều Tây Sơn và triều Nguyễn; - Những địa danh nổi bật là sông Hương và những di sản để lại của triều đại phong kiến, Thành phố có năm danh hiệu UNESCO ở Việt Nam: Quần thể di tích Cố đô Huế (1993), Nhã nhạc cung đình Huế (2003), Mộc bản triều Nguyễn (2009), Châu bản triều Nguyễn (2014) và Hệ thống thơ văn trên kiến trúc cung đình Huế (2016).</p> <p>2. Nội dung của văn bản qua nhan đề và hình ảnh - Nhìn vào nội dung và hình ảnh em đoán nội dung văn bản nói về vẻ đẹp sông Hương của Huế. - Từ khóa: Sông Hương.</p>

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

a. Mục tiêu: Nhận biết và hiểu được một số đặc trưng của thể tùy bút, tản văn.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, quan sát, chốt lọc kiến thức trả lời những câu hỏi liên quan đến bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV chuyển giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS xem lại phần chuẩn bị về mục Tri thức ngữ văn và làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ sau: - Trình bày khái niệm và cho biết đặc trưng thể loại của thể tùy bút, tản văn. - Yếu tố trữ tình và yếu tố tự sự trong tản văn, tùy bút là gì? Cái</p>	<p>1. Khái niệm và đặc trưng a. Tùy bút - <i>Khái niệm:</i> là tiểu loại thuộc loại hình kí, thường tập trung thể hiện cái “tôi” của tác giả, luôn có sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình. - <i>Đặc trưng:</i> + Chi tiết, sự kiện chỉ là cái cơ, là tiền đề để bộc lộ cảm xúc, suy tư, nhận thức, đánh giá về con người và cuộc sống. + Ngôn ngữ tùy bút giàu chất thơ. + Sức hấp dẫn của tùy bút là tính chất tự do, tài hoa</p>

<p>“tôi” của tác giả trong tản văn, tùy bút?</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ HS nghe GV yêu cầu, sau đó HS đọc thông tin trong SGK, chuẩn bị trình bày trước lớp.</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả chuẩn bị. + Dự kiến khó khăn: Học sinh chưa đọc phần <i>Tri thức ngữ văn</i>, gặp khó khăn trong việc tổng hợp + Tháo gỡ khó khăn: Câu hỏi gợi mở để HS trả lời; gọi HS khác giúp đỡ bạn.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</p>	<p>trong liên tưởng gắn với cái tôi tác giả.</p> <p>b. Tản văn - <i>Khái niệm:</i> tản văn là một dạng văn xuôi gắn với tùy bút. - <i>Đặc trưng:</i> + Tản văn thường kết hợp tự sự, trữ tình, nghị luận, miêu tả thiên nhiên, khắc họa nhân vật. + Tản văn chú trọng việc nêu lên được nét chính của hiện tượng giàu ý nghĩa xã hội và bộc lộ tình cảm, ý nghĩ của tác giả. + Sức hấp dẫn ở tản văn chủ yếu ở khả năng phát hiện những nét đặc thù, đặc biệt của sự việc, đối tượng hay khả năng kết nối, xuyên chuỗi các sự việc, đối tượng có vẻ rời rạc, nhỏ nhặt để hướng đến thể hiện chủ đề của tác phẩm.</p> <p>2. Yếu tố tự sự và trữ tình tùy bút và tản văn - <i>Yếu tố tự sự trong tùy bút, tản văn:</i> là yếu tố kể chuyện, thể hiện qua việc ghi chép, thuật lại các sự việc, câu chuyện, chuỗi tình tiết liên liên quan tới hành vi, diễn biến tâm trạng, tình cảm của nhân vật hay lịch sử, phong tục được đề cập trong tác phẩm. - <i>Yếu tố trữ tình trong tùy bút, tản văn:</i> là yếu tố thể hiện trực tiếp tình cảm, cảm xúc của cái tôi tác giả trong tùy bút hay của người kể chuyện, quan sát, miêu tả trong tản văn.</p> <p>3. Cái “tôi” tác giả trong sáng tác văn học - Tổng thể những nét riêng biệt, nổi bật làm nên phẩm chất tinh thần độc đáo của tác giả, thể hiện trong tác phẩm văn học nói chung, đặc biệt trong các tác phẩm giàu yếu tố trữ tình như thơ trữ tình hay tùy bút, tản văn. - Dấu hiệu: quan niệm về cái đẹp; qua cách nhìn, cách cảm về thế giới và con người; qua cách biểu đạt riêng giàu tính sáng tạo và thẩm mỹ;...</p>
---	---

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1. AI ĐÃ ĐẶT TÊN CHO DÒNG SÔNG?

2.1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: Hiểu được một số nét khái quát về tác giả và tác phẩm.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, quan sát, chắt lọc kiến thức trả lời những câu hỏi liên quan đến bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ 1. Đọc: GV yêu cầu 1 HS đọc to, rõ ràng thông tin trong SGK trang 17. 2. Tác giả: <i>Nêu một số nét cơ</i></p>	<p>I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường sinh năm 1937 tại thành phố Huế. Ông mất ngày 24 tháng 7 năm 2023. - Quê ở huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.</p>

<p><i>bản về tác giả Hoàng Phủ Ngọc Tường.</i></p> <p>3. Tác phẩm: <i>Nêu một số nét cơ bản về tác phẩm (xuất xứ, thể loại, đề tài, chủ đề)</i></p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận theo theo nhóm đôi, vận dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm lần lượt trình bày kết quả thảo luận. - GV yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có). <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. - GV chuyển sang nội dung mới 	<ul style="list-style-type: none"> - Ông là một nhà văn, đồng thời cũng là một nhà văn hóa và có sự gắn bó sâu sắc với Huế. - Ông có sở trường về tùy bút – bút kí. - Các tác phẩm chính của ông: “Ngôi sao trên đỉnh Phu Văn Lâu” (1971), “Rất nhiều ánh lửa” (1979), “Ngọn núi ảo ảnh” (1999)... <p>2. Văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: “Ai đã đặt tên cho dòng sông?” là bài kí xuất sắc của Hoàng Phủ Ngọc Tường viết tại Huế năm 1981, in trong tập bút kí cùng tên năm 1986. - Thể loại: tùy bút - Đề tài: dòng sông quê hương (sông Hương). - Chủ đề: thể hiện lòng yêu nước, tinh thần dân tộc gắn liền với tình yêu thiên nhiên sâu sắc, với truyền thống văn hóa, lịch sử lâu đời.
---	---

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Phân tích được vẻ đẹp của dòng sông Hương được miêu tả dưới nhiều góc nhìn khác nhau, nhận biết được yếu tố tự sự và trữ tình trong văn bản *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*

b. Nội dung: Sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời các câu hỏi liên quan đến văn bản *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* và chuẩn kiến thức GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>Nhiệm vụ 1: Vẻ đẹp của dòng sông Hương</p> <p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi sau</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1: <i>Nêu một số chi tiết cho thấy hình tượng sông Hương trong văn bản được miêu tả từ nhiều góc nhìn khác nhau (thiên nhiên, lịch sử, văn hóa,..)</i> - Nhóm 2: <i>Tìm một số chi tiết thể hiện chất tự sự và chất trữ tình trong văn bản? Nêu cảm nghĩ về những chi tiết ấy?</i> - Nhóm 3: <i>Tìm và cho biết tác dụng của một số biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản?</i> 	<p>II. Khám phá văn bản</p> <p>1. Vẻ đẹp của dòng sông Hương</p> <p>a. Góc nhìn quan sát sông Hương</p> <p><i>Những chi tiết miêu tả con sông Hương theo các góc độ khác nhau:</i></p> <p>* Góc độ địa lý: miêu tả thông qua thủy trình của dòng sông Hương từ thượng nguồn đến khi vào trong lòng thành phố Huế và cuối cùng là đổ ra biển.</p> <p>- “<i>Trước khi về đến vùng châu thổ êm đềm, nó là một bản trường ca của rừng già, rậm rạp giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy vào như cơn lốc vào những đáy vực...</i>”</p>

- **Nhóm 4.** Cho biết cảm hứng chủ đạo và nhận xét cách thể hiện cảm hứng chủ đạo trong tác phẩm.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận theo theo nhóm, vận dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ.
- GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

B3. Báo cáo thảo luận

- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm lần lượt trình bày kết quả thảo luận.
- GV yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).

B4. Đánh giá kết quả thực hiện

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.
- GV chuyển sang nội dung mới



Thủy trình của Sông Hương

<https://xaydungso.vn/bai-viet-khac/bao-tang-ban-do-song-huong-hue-kham-pha-lich-su-va-van-hoa-mien-trung-vi-cb.html>

- “Nhưng ngay từ đầu, vừa ra khỏi vùng núi, sông Hương... đã vòng những khúc quanh đột ngột... Từ ngã ba tuần, sông Hương theo hướng Bắc Nam qua điện Hòn Chén, vấp Ngọc Trản, nó chuyển hướng sang tây bắc, vòng qua bãi Nguyệt Biều, Lương Quán...”

* **Góc độ lịch sử:** sông Hương như một chứng nhân lịch sử, chứng kiến biết bao thăng trầm của dân tộc Việt Nam.

- “Sông Hương... là dòng sông của thời gian ngân vang, của sử thi viết giữa màu cỏ lá xanh biếc”.

- “Khi nghe lời gọi, nó tự hiển đời fminhf như một chiến công...”

* **Góc độ thi ca:** sông Hương trở thành nguồn cảm hứng bất tận cho các nhà thơ.

- “Có một dòng thi ca về sông Hương và tôi hi vọng đã nhận xét một cách công bằng về nó khi nói rằng dòng sông ấy không bao giờ tự lặp lại mình trong cảm hứng của các nghệ sĩ”

* **Góc độ âm nhạc:** gắn sông Hương với nền âm nhạc cổ điển Huế.

- “Hình như trong khoảnh khắc chùng lại của sông nước ấy, sông Hương đã trở thành một người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya”.

- “Toàn bộ nền âm nhạc cổ điển Huế đã được sinh thành trên mặt nước của dòng sông này, trong một khoang thuyền nào đó, giữa tiếng nước rơi bán âm của những mái chèo khuya”.

* **Góc độ văn hóa:**

- “Sông Hương... trở thành người mẹ phù sa của một vùng văn hóa xứ sở”.

- Màu sông khói trên sông Hương được ví với “màu áo cưới của Huế ngày xưa rất xưa, màu áo điều lục với loại vải vân thư màu xanh chàm lồng lên một màu đỏ ở bên trong...”.

Tóm lại:

- Bằng tất cả tình yêu dành cho con sông và tài năng vượt trội ở thế kí, Hoàng Phủ Ngọc Tường đã làm hiện lên những vẻ đẹp khác nhau của sông Hương.

- Sông Hương trong cái nhìn của nhà văn đã hóa thành một sinh thể có tâm hồn phong



Vẻ đẹp sông Hương ban ngày



Vẻ đẹp sông Hương về đêm

phú, có dòng đời trải qua nhiều thăng trầm, gian truân để cuối cùng bộc lộ vẻ đẹp thơ mộng, đầy cá tính, vừa trí tuệ, vừa dịu dàng, vừa ngọt ngào, duyên dáng, vừa trầm tĩnh bởi chiều sâu văn hóa.

b. Yếu tố tự sự và trữ tình trong văn bản

*** Yếu tố tự sự**

- Sự hiểu biết của nhà văn về dòng sông của các nước ở trên thế giới, nêu lên sự đặc biệt của riêng dòng sông Hương quê mình.

“Trong những dòng sông đẹp ở các nước mà tôi thường nghe nói đến, hình như chỉ sông Hương là thuộc về một thành phố duy nhất”.

- Sự hiểu biết của nhà văn, ông đã quan sát con sông ở nơi xa xôi, quan sát một cách tỉ mỉ và nhất là dòng chảy của nó.

“Tôi đã đến Lê-nin-grát, có lúc đứng nhìn sông Nê-va cuốn trôi những đám băng lô xô, nhấp nháy trăm màu dưới ánh sáng của mặt trời mùa xuân, mỗi phiến băng chở một con hải âu nghịch ngợm đứng co lên một chân...”.

*** Yếu tố trữ tình**

- Biện pháp nhân hóa có hiệu quả: sông Hương trở nên có hồn hơn, tâm trạng “vui tươi hẳn lên” là khi nó biết mình sắp được về với Huế - “người tình nhân mong đợi”.

“...như đã tìm đúng đường về, sông Hương vui tươi hẳn lên giữa những biển bãi xanh biếc của những vùng ngoại ô Kim Long”.

- Cách nói hình tượng, so sánh cái hữu hình là dòng sông với tâm trạng e thẹn, ngại ngùng trong tình yêu, thể hiện sự lãng mạn, tinh tế của nhà văn.

“...sông Hương uốn một cánh cung rất nhẹ sang đến Cồn Hến, đường cong ấy làm cho dòng sông như mềm hẳn đi, như một tiếng “vâng” không nói ra của tình yêu”.

c. Cảm hứng chủ đạo

*** Cảm hứng chủ đạo:**

- Ca ngợi vẻ đẹp đầy chất thơ của sông Hương;

- Yêu tha thiết, đắm say và trân trọng tự hào đối với vẻ đẹp nên thơ của thiên nhiên xứ sở, những giá trị lịch sử, bề dày văn hóa và vẻ đẹp tâm hồn của con người ở vùng đất cố đô.

Nhiệm vụ 2: Tình cảm, cảm xúc của nhà văn

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi sau

- Nhận xét về đẹp của con sông Hương và tình cảm, cảm xúc nhà văn gửi gắm qua văn bản “Ai đã đặt tên cho dòng

*** Cách thể hiện cảm hứng chủ đạo:**

- Thể hiện qua những từ ngữ, câu văn **bộc lộ trực tiếp** tình cảm, cảm xúc, nhận xét, đánh giá của tác giả dành cho sông Hương, xứ Huế:

+ “Trong những dòng sông đẹp ở các nước mà tôi thường nghe nói đến, hình như chỉ sông Hương thuộc về một thành phố duy nhất”.

+ “có một dòng thi ca về sông Hương, và tôi hi vọng đã nhận xét một cách công bằng về nó khi nói rằng dòng sông ấy không bao giờ tự lặp lại mình trong cảm hứng của các nghệ sĩ”,...

- Thể hiện qua cách tác giả lựa chọn sử dụng từ ngữ, hình ảnh khắc họa hình tượng sông Hương, xứ Huế trong văn bản.

+ “râm rộ giữa bóng cây đại ngàn...màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng”.

+ “dòng sông mềm như tấm lụa”

+ “sông Hương vui tươi hẳn lên giữa những biển bãi xanh biếc của vùng ngoại ô Kim Long”.

- Thể hiện qua những phát hiện, liên tưởng thú vị, tài hoa, tinh tế và độc đáo của tác giả dành cho sông Hương, xứ Huế:

+ Cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại

+ Người mẹ phù sa của vùng văn hóa xứ sở,

...

- Thể hiện qua cách nhìn, khám phá sông Hương ở nhiều góc độ, khía cạnh để phát hiện ra nhiều vẻ đẹp đa dạng của sông Hương.

- Tác dụng của cách thể hiện: tác động đến cảm xúc của người đọc, góp phần làm nên chất trữ tình/chất thơ cho văn bản.

2. Tình cảm, cảm xúc của tác giả trong văn bản

- Hoàng Phủ Ngọc Tường đã đem đến cho sông Hương một diện mạo mới, một vẻ đẹp mới, vừa hết sức thân quen, lại vừa mới lạ vô cùng, qua đó thể hiện tình yêu quê hương xứ Huế rất sâu sắc của nhà văn.

- Tác phẩm ra đời như một sự cảm tạ đối với đất mẹ Huế, nơi sinh ra ông, như một lời yêu thương mà ông dành riêng cho dòng Hương giang. Bên cạnh đó, người đọc nhận ra tình yêu và sự gắn bó tha thiết của một trí

<p>sông?”.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc tác giả có những phát hiện đặc biệt về sông Hương đã đem đến cho bạn bài học gì về cách quan sát, cảm nhận cuộc sống xung quanh? <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi. - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả chuẩn bị. <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. - GV chuyển sang nội dung mới 	<p>thức yêu nước với cảnh sắc quê hương và lịch sử dân tộc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác dụng của văn bản đối với người đọc: <ul style="list-style-type: none"> + Muốn có được những phát hiện về cảnh sắc thiên nhiên, vạn vật quanh mình, chúng ta cần nuôi dưỡng một tình yêu tha thiết, mê đắm và hòa mình trọn vẹn với thiên nhiên để cảm nhận vẻ đẹp độc đáo của vạn vật. + Cần tiếp cận, khám phá vạn vật ở nhiều góc độ khác nhau để nhìn nhận đối tượng một cách toàn diện hơn. + Trong quá trình khám phá thiên nhiên, cần kết hợp tìm hiểu tri thức về đối tượng để có điều kiện khám phá, phát hiện những khía cạnh độc đáo của thiên nhiên.
--	---

2.3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Tổng kết những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tùy bút “Ai đã đặt tên cho dòng sông?”

b. Nội dung: Sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức đã học để tiến hành trả lời các câu hỏi liên quan đến văn bản *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* và chuẩn kiến thức GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ: <i>Em hãy nêu giá trị nội dung, nghệ thuật của tùy bút “Ai đã đặt tên cho dòng sông?”</i></p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi. - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả chuẩn bị. <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. - GV chuyển sang nội dung mới 	<p>III. Tổng kết</p> <p>a) Giá trị nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài kí ngợi ca dòng sông Hương và rộng hơn là vùng đất cố đô Huế đẹp thơ mộng hữu tình, ca ngợi lịch sử vẻ vang của Huế, ca ngợi văn hóa và tâm hồn người Huế. - Tác giả coi sông Hương là biểu tượng cho tất cả những gì là vẻ đẹp của cảnh và người đất đế đô này. - Bài kí chứng tỏ sự gắn bó máu thịt, tình yêu thiết tha với Huế và một vốn hiểu biết sâu sắc về nền văn hóa đất cố đô của tác giả HPNT <p>b) Giá trị nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn trích là đoạn văn xuôi súc tích và đầy chất thơ về sông Hương. Nét đặc sắc làm nên sức hấp dẫn của đoạn văn là những cảm xúc sâu lắng được tổng hợp từ một vốn hiểu biết phong phú về văn hóa, lịch sử, địa lí và một trí tưởng tượng sáng tạo độc đáo. - Văn phong tao nhã, hướng nội, tinh tế

PHIẾU HỌC TẬP**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

Tìm một số chi tiết cho thấy sông Hương trong văn bản được miêu tả từ nhiều góc nhìn khác nhau: địa lý, lịch sử, âm nhạc, thi ca,...

VỀ ĐẸP CỦA SÔNG HƯƠNG	
GÓC NHÌN	CHI TIẾT MIÊU TẢ
Địa lý	
Lịch sử	
Âm nhạc	
Thi ca	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Chỉ ra yếu tố tự sự, yếu tố trữ tình và liệt kê một số từ ngữ, câu văn cho thấy sự hiện diện của cái “tôi” của tác giả trong văn bản.

Yếu tố tự sự	
Yếu tố trữ tình	
Cái “tôi” của tác giả	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS củng cố, mở rộng kiến thức đã học về văn bản *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*

để viết đoạn văn ngắn về vẻ đẹp của sông Hương.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành viết đoạn đến vẻ đẹp của sông Hương trong văn bản *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS viết đoạn văn ngắn về cảm nhận của vẻ đẹp sông Hương thực hiện nhanh tại lớp.</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS vận dụng kiến thức đã học</p>	<p>Sông Hương là dòng sông “duy nhất” chảy qua lòng thành phố Huế nên nó mang những nét đẹp riêng mà không có dòng sông nào có được. Hình như Hoàng Phủ Ngọc Tường rất tự hào vì điều này, tự hào với một tình yêu sông Hương đến mê đắm. Vẻ đẹp dòng sông Hương ẩn hiện dưới ngòi bút tinh tế và một tình yêu tha thiết đã khiến cho nó càng trở</p>

<p>và trả lời câu hỏi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả chuẩn bị. <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. 	<p>nên mê đắm đối với người đọc. Sông Hương được nhìn từ nhiều góc độ, từ nhiều khía cạnh, từ chiều dài của thời gian và chiều sâu của không gian. Nhưng dù ở góc độ nào thì sông Hương vẫn mang một nét đẹp riêng rất Huế. Có lẽ đối với Hoàng Phủ Ngọc Tường nói chung, với nhân dân Huế nói chung thì sông Hương chính là một biểu tượng đẹp đẽ nhất tạo nên vẻ đẹp Huế suốt mấy nghìn năm lịch sử. Bằng ngòi bút tinh tế, cảm xúc chân thành và một tâm lòng yêu thương của Hoàng Phủ Ngọc Tường đã vẽ nên một bức tranh tuyệt đẹp về sông Hương. Một vẻ đẹp rất riêng, rất dịu dàng, rất Huế khiến người đọc muốn một lần đến đó tận hưởng.</p>
--	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức để tạo lập văn bản: sáng tác một bài thơ, vẽ một bức tranh,... về hình tượng sông Hương (hoặc về sông núi quê hương của bạn).

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS làm bài tập vận dụng, yêu cầu tạo lập văn bản.

c. Sản phẩm: Sáng tác của học sinh: bài thơ, bài hát, bức tranh,...

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS sáng tác một bài thơ, vẽ một bức tranh,... về hình tượng sông Hương (hoặc về sông núi quê hương của bạn).

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ học tập.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

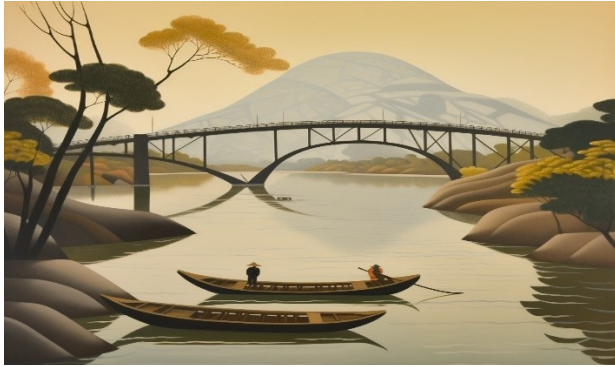
B3. Báo cáo thảo luận

- GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.



4. Cùng cố: Em hãy nêu nội dung chính của văn bản “Ai đã đặt tên cho dòng sông?”

5. HDVN: - Ôn tập văn bản: *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*

- Soạn văn bản 2 – *Cõi lá*.

BÀI 1:

THÔNG ĐIỆP TỪ THIÊN NHIÊN (TÙY BÚT, TẢN VĂN)

Tiết: 3-3.5

PHẦN 1: ĐỌC VĂN BẢN 2: CỎI LÁ (Đỗ Phấn)

(1,5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Phân tích và đánh giá được cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB *Cõi lá*; phát hiện được giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ VB *Cõi lá*.
- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.
- Phân tích được ý nghĩa hay tác động của VB *Cõi lá* trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và cách thưởng thức đánh giá cá nhân đối với văn học và cuộc sống.

2. Về năng lực

- Phát triển năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua hoạt động đọc, viết, nói và nghe; năng lực hợp tác thông qua các hoạt động làm việc nhóm
- Nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tùy bút hoặc tản văn.

3. Về phẩm chất:

Biết yêu quý và có ý thức gìn giữ vẻ đẹp của thiên nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT
- PHT số 1, 2, 3

- Tranh ảnh
- Máy tính, máy chiếu

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- Nội dung:** GV cho HS xem 1 số tranh ảnh về những biến đổi của thiên nhiên khi thời tiết chuyển mùa; HS xem ảnh và trả lời.
- Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ:</p>	<p>Gợi ý:</p>
<p>GV cho HS xem 1 số tranh ảnh về những biến đổi của thiên nhiên khi thời tiết chuyển mùa:</p>  <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - GV quan sát, gợi mở - HS quan sát, suy nghĩ</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động - HS tham gia hoạt động</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức:</p>	<p>Dấu hiệu chuyển mùa từ hạ sang thu là gió se, sương mù, sắc xanh của cây cối dần chuyển sang vàng, ...</p>

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu khái quát

- a. **Mục tiêu:** Đọc văn bản và thực hiện một số kỹ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc
- b. **Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV
- c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chuyển giao nhiệm vụ 1) GV hướng dẫn cách đọc + VB Côi lá khá ngắn, có thể cho HS đọc hết VB trên lớp. GV chọn HS có giọng đọc tốt, lưu ý các em ngừng, nghỉ đúng chỗ và đọc diễn cảm. + GV nhắc nhở HS theo dõi VB, chú ý các câu hỏi trong các box, tự trả lời thầm trong đầu 2) Gv phát PHT số 1 để Hs tìm hiểu về tác giả và tác phẩm (làm ở nhà) <p>Lưu ý: Hs có thể làm video hoặc inphographic về tác giả, tác phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hs làm việc cá nhân - GV quan sát <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày sản phẩm - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức 	<p>I. TÌM HIỂU KHÁI QUÁT</p> <p>1. Đọc</p> <p>2. Tìm hiểu chung</p> <p>a. Tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiểu sử + Đỗ Phấn sinh năm 1056 tại Hà Nội. + Ông viết văn từ khi còn là HS phổ thông, nhưng lớn lên lại theo học hội họa. + 2005, ông trở lại con đường viết văn với những tản văn về Hà Nội. + Ông đã xuất bản 11 tiểu thuyết, 4 truyện ngắn và 12 tản văn <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm nghệ thuật: <p>Bút pháp nghệ thuật tài hoa, độc đáo cùng những màu sắc khác lạ qua việc khắc họa hình ảnh đời sống sinh hoạt của người dân, ngòi bút nhẹ nhàng và đầy tinh tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các tác phẩm tiêu biểu: <p>Đỗ Phấn có nhiều tác phẩm nổi bật chủ yếu khắc họa về Hà Nội nơi ông gắn bó, các tác phẩm có thể kể đến như: Ngôi lê đôi mái với Hà Nội, Chuông đồng hồ, Bánh mì, Vòi nước công cộng,... những tác phẩm đó đã làm cho độc giả có cái nhìn chung nhất về cuộc sống, về con người.</p> <p>b. Tác phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể loại: Tản văn - Phương thức biểu đạt: Tự sự - Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác: Tác phẩm Côi lá của tác giả Đỗ Phấn được sáng tác sau khi ông quay lại với các tác phẩm viết văn của mình vào những năm 2005, tản văn chuyên về chủ đề Hà Nội được mọi người yêu mến.

PHT số 1

PHT SỐ 1: TÌM HIỂU VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM

Tác giả

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Tác phẩm

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tùy bút hoặc tản văn.
 - Phân tích và đánh giá được cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB; phát hiện được giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ VB.
 - Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.
 - Phân tích được ý nghĩa hay tác động của VB văn học trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và cách thưởng thức đánh giá cá nhân đối với văn học và cuộc sống.
 - Biết yêu quý và có ý thức giữ gìn vẻ đẹp của thiên nhiên.
- b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
------------------------------	-------------------------

<p>NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu bố cục của VB</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>Gv tổ chức cho Hs làm việc cá nhân để tìm hiểu bố cục của VB</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi - Gv quan sát, cố vấn <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức <p>NV2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu nghĩa của “Cõi lá”, mối quan hệ giữa cây, lá và con người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>Gv cho HS thảo luận nhóm đôi và thực hiện yêu cầu:</i> + <i>Hs tìm những từ có thể kết hợp với từ “cõi” (Từ “cõi” đứng ở đầu) và giải thích nghĩa</i> + <i>Hs giải thích nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của “cõi lá” theo cách hiểu của mình. + Chỉ ra mối quan hệ giữa cây, lá và con người trong VB.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN</p> <p>1. Tìm hiểu bố cục của VB</p> <p>* Đoạn trích tản văn Cõi lá là chuỗi cảm xúc miên man của tác giả về cảnh sắc thiên nhiên Hà Nội gắn với từng mùa cây thay lá. Có thể chia đoạn trích thành 3 phần:</p> <p>+ Đoạn 1: Từ đầu đến... “<i>xôn xao lá cành</i>” → Cảm xúc vỡ òa khi bất ngờ nhận ra mùa xuân tới.</p> <p>+ Đoạn 2: Từ “<i>Chín cây bồ đề</i>”...đến ... “<i>quyến rũ từng bước chân người</i>” → Miêu tả chi tiết đặc điểm từng loại lá, cây chuyển sắc theo mùa.</p> <p>+ Đoạn 3: Phần còn lại → Niềm rung cảm khi đi trong “cõi lá mùa xuân thành phố”</p> <p>2. Tìm hiểu nghĩa của “Cõi lá”, mối quan hệ giữa cây, lá và con người.</p> <p>- “<i>Cõi lá</i>” là xứ sở của lá, thế giới của lá. Tác giả đã miêu tả “<i>cõi lá</i>” với các tầng bậc ý nghĩa:</p> <p>+ Vẻ đẹp của thiên nhiên: Lá cây bồ đề như khoảng trời trong veo, ngọt ngào như mật chày tháng Giêng; lá của những cây sấu cổ thụ, lá bằng lăng,...tất cả làm nên những nét đặc trưng, quyến rũ của cảnh sắc Hà Nội.</p> <p>+ “<i>Cõi lá</i>” cũng là “<i>cõi người</i>”, “<i>cõi nhân sinh</i>”. “<i>Những đứa trẻ tan trường riu rít dưới gốc cây như những thiên thần bước ra từ lá</i>”; là tình yêu của người HN “<i>Những người HN chẳng có việc gì...</i>”; là cõi nhớ của người HN; là nguồn nhựa sống của người HN, đi trong “<i>cõi lá</i>” thấy mình trẻ lại.</p>
<ul style="list-style-type: none"> - HS suy nghĩ, thảo luận và trả lời câu hỏi - Gv quan sát, cố vấn <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi/ trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thế giới cây, lá và con người hòa quyện trong nhau, nương tựa nhau, làm nên một thực thể sống, cùng sinh tồn.

<p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 	
<p>NV3: Hướng dẫn Hs phân tích một vài đoạn văn có sự kết hợp giữa tự sự với trữ tình/ nghị luận hoặc miêu tả thiên nhiên với miêu tả con người và làm rõ tác dụng của sự kết hợp ấy trong văn bản.</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>Hs thảo luận nhóm 4-6 em để hoàn thiện PHT số 2</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. (<i>HS có thể tùy ý phân tích một trong số những đoạn văn đã chọn</i>) <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và hoàn thành PHT số 2 - Gv quan sát, cố vấn <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 	<p>3. Phân tích một vài đoạn văn có sự kết hợp giữa tự sự với trữ tình/ nghị luận hoặc miêu tả thiên nhiên với miêu tả con người và làm rõ tác dụng của sự kết hợp ấy trong văn bản. (PHT số 2)</p>
<p>NV4: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chủ đề, đánh giá ý nghĩa thông điệp của văn bản</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ:</p>	<p>4. Chủ đề, đánh giá ý nghĩa thông điệp của văn bản</p> <p>a. Chủ đề văn bản</p>
<p><i>Hs thảo luận nhóm theo phương pháp khăn trải bàn để tìm hiểu chủ đề, đánh giá ý nghĩa thông điệp của văn bản</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS suy nghĩ, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi - Gv quan sát, cố vấn <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cảm xúc của tác giả về cảnh sắc thiên nhiên Hà Nội gắn với từng mùa cây thay lá trong hiện tại và kí ức. - Đánh giá ý nghĩa thông điệp VB: + Sự sống của con người luôn gắn bó hữu cơ với thiên nhiên + Thiên nhiên không chỉ làm đẹp cảnh quan mà còn giúp tâm hồn con người thêm phong phú, cân bằng, tươi mới. + Nhắc nhở mỗi chúng ta phải có ý thức bảo vệ, gìn giữ thiên nhiên

<ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày câu trả lời - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 	
<p>NV5: Hướng dẫn học sinh phát hiện một vài biểu hiện của nét đẹp văn hóa được thể hiện trong văn bản</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>Gv để HS tự do trình bày suy nghĩ bản thân bằng phương pháp phỏng vấn nhanh</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS suy nghĩ, trình bày ý kiến - Gv quan sát, gợi mở <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày câu trả lời - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 	<p>5. Một vài biểu hiện của nét đẹp văn hóa được thể hiện trong văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Con người sống gần gũi với thiên nhiên, yêu mến thiên nhiên. Họ dõi theo thiên nhiên, nắm được quy luật thay lá của mỗi loài cây. Từng loại cây, lá mang đến nét vẻ riêng cho cảnh sắc HN. - Thiên nhiên làm cuộc sống con người thêm tươi đẹp, trữ tình, lãng mạn. Người HN thích dạo chơi, ngắm nhìn mỗi loại lá khi chuyển mùa. - Thiên nhiên là nơi lưu giữ kí ức đẹp về quê hương, Tổ quốc, khiến con người thêm yêu Tổ quốc, quê hương mình. - Tôn trọng quyền sinh tồn của muôn loài - Con người cần làm đẹp cuộc sống cũng như tâm hồn bằng lối sống thân thiện, hòa hợp với môi trường thiên nhiên. - ...
<p>NV6: Hướng dẫn học sinh một số lưu ý khi đọc hiểu các văn bản thuộc thể loại tản văn</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>Gv cho HS xem lại phần Tri thức Ngữ văn của bài học, đọc kĩ mục về Tản văn. Từ VB Cõi lá, HS rút ra được 1 số đặc điểm tương ứng với các nội dung của Tri thức Ngữ văn</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS suy nghĩ, viết hoặc vẽ - Gv quan sát, gợi mở <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày câu trả lời - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>6. Một số lưu ý khi đọc hiểu các văn bản thuộc thể loại tản văn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung được miêu tả có ý nghĩa như thế nào? Nhận biết những tình cảm, suy nghĩ của tác giả bộc lộ trong quá trình miêu tả - Khả năng quan sát, xâu chuỗi các sự việc, hiện tượng nhỏ nhặt, rời rạc để hướng tới thể hiện chủ đề của tác phẩm - Cách nhìn, cách cảm về thế giới, con người giàu tính sáng tạo và thẩm mỹ - Ngôn ngữ của tản văn giàu sức gợi, chất thơ - Yếu tố tự tự và trữ tình luôn đan xen, hòa quyện; các chi tiết, sự kiện được miêu tả vừa đậm chất suy tư, vừa bay bổng, lãng mạn.

vụ - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	
---	--

PHT số 2

Đoạn văn có sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình/ nghị luận	Đoạn văn có sự kết hợp giữa miêu tả thiên nhiên và miêu tả con người

Gợi ý PHT số 2

Đoạn văn có sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình/ nghị luận	Đoạn văn có sự kết hợp giữa miêu tả thiên nhiên và miêu tả con người
<p>- Nhìn chung thì vòng đời của một chiếc lá bồ đề...cái biến người chộn rộn áo cơm này</p> <p>- Những tưởng vô duyên đến như cây xà cừ...mùa thu quuyến rũ bước chân người.</p>	<p>- Chính cây bồ đề trên đường Trần Nhân Tông...những thiên thần bước ra từ lá</p> <p>- Miên man trong cõi lá mùa xuân...Hay tự nhận mình như thế</p>
<p>Tác giả kể, bàn bạc về một vòng đời của lá. Vòng đời đó kéo dài từ thu sang đông, vòng đời đó khiến con người nhớ nhung và chờ đợi</p>	<p>Kết hợp miêu tả thiên nhiên và con người khiến bức tranh thiên nhiên sống động, có hồn, thiên nhiên trở nên gần gũi, hòa quyện với con người.</p>

Nội dung 3:

Tổng kết a.

Mục tiêu:

Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

- b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT số 3, học sinh làm việc cá nhân
- c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM					
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>+ <i>Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản theo PHT số 3 (Hs làm việc cá nhân)</i></p>	III. TỔNG KẾT					
	<i>Nội dung</i>	<i>Nghệ thuật</i>				
<table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="text-align: center;"><i>Nội dung</i></td> <td style="text-align: center;"><i>Nghệ thuật</i></td> </tr> <tr> <td> </td> <td> </td> </tr> </table>	<i>Nội dung</i>	<i>Nghệ thuật</i>				
<i>Nội dung</i>	<i>Nghệ thuật</i>					
<p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS suy nghĩ, trả lời</p>						

<p>- Gv quan sát, hỗ trợ</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Hs trả lời</p> <p>- Hs khác lắng nghe, bổ sung</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại</p>	<p>- Tác phẩm <i>Côi lá</i> đã khắc họa tình yêu của tác giả với mảnh đất Hà Nội thủ đô yêu dấu.</p> <p>- Qua những hình ảnh về thiên nhiên, về con người, những đặc trưng của Hà Nội thật đẹp qua lăng kính của ông.</p> <p>- Đó là tình cảm yêu thương của tác giả đã gửi gắm vào từng trang giấy.</p>	<p>- <i>Côi lá</i> là một tác phẩm mang khuynh hướng tản văn - đó là thể loại khó tuy nhiên với ngòi bút của tác giả đã sử dụng thành công thể loại này trong tác phẩm.</p> <p>- Cùng với nghệ thuật về tả cảnh, nổi bật lên là chất trữ tình đầy màu sắc, yếu tố cảm xúc tạo nên cái nhìn mới mẻ với người đọc</p> <p>-Ngôn ngữ tản văn đầy tinh tế và lãng động tạo nên nét sống động cho tác phẩm.</p>
---	--	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- Mục tiêu:** Cùng cố lại kiến thức đã học.
- Nội dung:** Gv cho HS đóng vai phóng viên và phỏng vấn ngắn “*Cảm nhận về Côi lá*”
- Sản phẩm học tập:** HS trình bày cảm nhận về VB *Côi lá*
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS đóng vai phóng viên và phỏng vấn ngắn “<i>Cảm nhận về Côi lá</i>”</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS vận dụng kiến thức đã học và trình bày cảm nghĩ.</p> <p>- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận</p> <p>- GV cho đại diện các nhóm đóng vai phóng viên và mời 1 – 2 HS phỏng vấn.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</p>	<p>(Phần cảm nhận của HS)</p>

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực hành
- Nội dung:** Gv hướng dẫn hs cảm thụ VB bằng một bức tranh “*Côi lá*” theo trí tưởng tượng
- Sản phẩm học tập:** Tranh của HS
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>Vẽ một bức tranh về bức tranh Côi lá Hà Nội theo trí tưởng tượng của HS.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS cảm nhận, tưởng tượng, thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ;</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động - Hs nhận xét</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá.</p>	<p><i>(Tranh của HS)</i></p>

4. Củng cố: Em hãy nêu nội dung chính của văn bản “Côi lá”

5. HDVN: - Ôn tập văn bản: *Côi lá*

- Soạn thực hành tiếng Việt – *Giải thích nghĩa của từ*

Ngày soạn:

BÀI 1:

THÔNG ĐIỆP TỪ THIÊN NHIÊN (TÙY BÚT, TẢN VĂN)

PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết 3.5-4.5:

GIẢI THÍCH NGHĨA CỦA TỪ (01 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI DẠY

1. Kiến thức:

- Hiểu được thế nào là nghĩa của từ, nghĩa gốc, nghĩa chuyển của từ và các cách giải thích nghĩa của từ.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung:

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp;
- Năng lực tự chủ và tự học: biết lắng nghe chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và giáo viên, tích cực tham gia các hoạt động trong lớp;
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết giải quyết vấn đề logic, sáng tạo, linh hoạt.

b. Năng lực đặc thù

- Năng lực ngôn ngữ và văn học: giải thích được nghĩa của từ, vận dụng linh hoạt từ ngữ trong giao tiếp và làm văn.

3. Phẩm chất

- Biết yêu quý, trân trọng tiếng mẹ đẻ
- Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: máy tính, máy chiếu, bảng phụ, bút dạ, giấy A0

2. Học liệu

a. Giáo viên

- Kế hoạch bài dạy
- Phiếu học tập
- Bảng phân công nhiệm vụ học sinh ở nhà và trên lớp

b. Học sinh

- SGK, SBT Ngữ văn 11
- Soạn bài theo hệ thống câu hỏi, hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu

- Tạo hứng thú học tập, tâm thế tích cực cho HS, huy động tri thức nền giúp HS sẵn sàng, hào hứng khám phá bài học

b. Nội dung

- GV kể cho HS nghe truyện cười “**Tiền tiêu**”

Nam: - Cậu có biết không, ba mình mới chuyển sang ngân hàng làm việc đấy.

Bắc: - Sao cậu bảo bố cậu là bộ đội?

Nam: - Đúng rồi, thư trước ba mình báo tin: "Ba đang ở hải đảo." Nhưng thư này ba mình

nói là ba đang giữ tiền tiêu cho Tổ quốc.

Bắc: !!!

- GV: Cho biết vì sao Nam tưởng ba mình đã chuyển sang làm việc tại ngân hàng?

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Cho biết vì sao Nam tưởng ba mình đã chuyển sang làm việc tại ngân hàng?</p> <p>* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS huy động tri thức nền, trải nghiệm cá nhân thực hiện yêu cầu được giao</p> <p>- GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện</p> <p>* Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>- GV mời đại diện 2-3 HS trình bày trước lớp.</p> <p>- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có)</p> <p>* Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, dẫn vào bài học.</p>	<p>Nam đang nhầm lẫn nghĩa từ “tiêu” trong cụm từ “tiền tiêu” (tiền để tiêu xài, mua bán hàng ngày) với tiếng “tiêu” trong từ “tiền tiêu” (chỉ một vị trí quan trọng, nơi canh gác ở phía trước khu vực trú quân, hướng về quân địch). Vì vậy Nam đã nhầm tưởng bố mình chuyển sang làm ngân hàng.</p>

HOẠT ĐỘNG 2. BÀI TẬP THỰC HÀNH

a. Mục tiêu:

- HS nắm được khái niệm nghĩa của từ, nghĩa gốc, nghĩa chuyển và các cách giải thích nghĩa của từ

b. Nội dung:

- HS hoàn thiện bài tập thực hành tiếng Việt

b. Sản phẩm:

- Bài làm của HS

c. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Bài 1. Chọn ba chú thích giải thích nghĩa của từ trong văn bản Ai đã đặt tên cho dòng sông? (Hoàng Phủ Ngọc Tường) và cho biết mỗi chú thích đã giải nghĩa từ theo cách nào.</p>	<p>1. Bài 1. SGK tr.20</p> <p>Ba chú thích của từ trong văn bản Ai đã đặt tên cho dòng sông (Hoàng Phủ Ngọc Tường) là:</p> <p>+ Lưu tốc: tốc độ chảy của dòng nước</p> <p>Giải thích theo cách: phân tích nội dung nghĩa của từ.</p> <p>+ Mô tê (từ ngữ địa phương miền Trung): đầu đó.</p> <p>Giải thích theo cách: dùng một (hoặc một số) từ đồng nghĩa với từ cần giải thích.</p> <p>+ Châu thổ: đồng bằng ở vùng cửa sông do phù sa bồi đắp nên.</p>

<p>Bài 2. Xác định cách giải thích nghĩa của từ được dùng trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Lâu bền: lâu dài và bền vững</p> <p>b. Dềnh dàng: chậm chạp, không khẩn trương, để mất nhiều thì giờ vào những việc phụ hoặc không cần thiết.</p> <p>c. Đen nhánh: đen và bóng đẹp, có thể phản chiếu ánh sáng được.</p> <p>d. Tê (từ ngữ địa phương): kia</p> <p>đ. Kiến thiết: kiến (yếu tố Hán Việt) có nghĩa là “xây dựng, chế tạo”, thiết (yếu tố Hán Việt) có nghĩa là “bày ra, sắp đặt”; kiến thiết có nghĩa là xây dựng (theo quy mô lớn).</p> <p>Bài 5. Giải thích nghĩa của từ in đậm trong các câu sau và cho biết bạn đã chọn cách giải thích nghĩa nào:</p> <p>a. Những ngọn đồi này tạo nên những mảng phản quang nhiều màu sắc trên nền trời tây nam thành phố, “sớm xanh, trưa vàng, chiều tím” như người Huế thường miêu tả. (Hoàng Phủ Ngọc Tường, Ai đã đặt tên cho dòng sông?)</p> <p>b. Đầu và cuối ngõ thành phố, những nhánh sông đào mang nước sông Hương tỏa đi khắp phố thị, với những cây đa, cây cừa đổ thụ tỏa vầng lá u sầm xuống những xóm thuyền xúm xít; từ những nơi ấy, vẫn lập lòe trong đêm sương những ánh lửa thuyền chài của một linh hồn mô tê xưa cũ mà không một thành phố hiện đại nào còn nhìn thấy được. (Hoàng Phủ Ngọc Tường, Ai đã đặt tên cho dòng sông?)</p> <p>c. Những chiếc lá non đu đưa trong gió tưởng như có tiếng chuông chùa huyền hoặc vọng về từ cõi thanh cao u tịch.</p>	<p>Giải thích theo cách: phân tích nội dung nghĩa của từ.</p> <p>2. Bài 2. SGK tr.20</p> <p>a. Lâu bền: lâu dài và bền vững Giải thích theo cách: Giải thích của từ bằng cách giải thích từng thành tố cấu tạo nên từ.</p> <p>b. Dềnh dàng: chậm chạp, không khẩn trương, để mất nhiều thì giờ vào những việc phụ hoặc không cần thiết. Giải thích theo cách: Dùng từ (hoặc một số) từ đồng nghĩa với từ cần giải thích.</p> <p>c. Đen nhánh: đen và bóng đẹp, có thể phản chiếu ánh sáng được. Giải thích theo cách: phân tích nội dung nghĩa của từ</p> <p>d. Tê (từ ngữ địa phương) : kia Giải thích theo cách: Dùng từ (hoặc một số) từ đồng nghĩa với từ cần giải thích.</p> <p>đ. Kiến thiết: kiến (yếu tố Hán Việt) có nghĩa là “xây dựng, chế tạo”, thiết (yếu tố Hán Việt) có nghĩa là “bày ra, sắp đặt”; kiến thiết có nghĩa là xây dựng (theo quy mô lớn). Giải thích từng thành tố cấu tạo</p> <p>3. Bài 5. SGK tr.20</p> <p>a. Phản quang là hiện tượng phản xạ lại ánh sáng tới. Khi có sự chiếu sáng của tia sáng hay ánh đèn thì vật có phủ phản quang sẽ phát huy tác dụng giúp cho con người có thể quan sát vật đó từ xa một cách dễ dàng hơn. → Sử dụng cách giải thích: Phân tích nội dung nghĩa của từ.</p> <p>b. - xúm xít: Xúm lại sát nhau, thành một đám lộn xộn xung quanh một chỗ nào đó. → Sử dụng cách giải thích: Phân tích nội dung nghĩa của từ.</p> <p>- lập lòe: nhấp nháy, nhấp nhòe → Sử dụng cách giải thích: Dùng từ đồng nghĩa với từ cần giải thích.</p> <p>c. huyền hoặc: không có thực, mang vẻ huyền bí → Sử dụng cách giải thích: phân tích nội dung nghĩa của từ.</p>
--	---

<p style="text-align: center;">(Đỗ Phấn, Côi lá)</p> <p>*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV chia lớp thành 04 nhóm, mỗi nhóm 01 nhiệm vụ. (Nhóm 1 bài 1, nhóm 02 bài 2, nhóm 03 bài 5, nhóm 04 bài 5). Các nhóm thảo luận trong thời gian 05 phút sau đó trình bày vào phiếu học tập trong thời gian 05 phút. Nhóm nào xong sẽ treo phiếu học tập (giấy A0 lên bảng). GV đánh giá các nhóm theo rubric (phụ lục)</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ,</p> <p>*Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>- GV: cho các nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung và phản biện.</p> <p>- HS: đại diện nhóm trình bày, HS khác lắng nghe, góp ý.</p> <p>*Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>- GV chốt kiến thức, đánh giá hoạt động các nhóm theo rubric</p>	
---	--

HOẠT ĐỘNG 3: CHỐT LẠI KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT

a. Mục tiêu: Hiểu được khái niệm nghĩa của từ, các cách giải thích nghĩa của từ

b. Nội dung:

- GV: Qua các bài tập trên, các em hiểu thế nào là nghĩa của từ? Có mấy cách giải thích nghĩa của từ?

- HS: thực hiện

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Qua các bài tập trên, các em hiểu thế nào là nghĩa của từ? Từ có thể có bao nhiêu nghĩa? Có mấy cách giải thích nghĩa của từ?</p> <p>*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS nghe GV yêu cầu, sau đó đọc thông tin trong SGK và chuẩn bị trình bày trước lớp</p> <p>*Bước 3: Báo cáo, thảo luận</p> <p>- GV: mời 1-2 HS trình bày</p> <p>+ Dự kiến khó khăn: HS chưa đọc phần Tri thức Ngữ văn, gặp khó khăn trong việc khái quát kiến thức</p> <p>+ Tháo gỡ khó khăn: Câu hỏi gợi mở để HS trả lời, gọi HS khác giúp đỡ bạn.</p>	<p>1. Khái niệm nghĩa của từ</p> <p>- Là nội dung (sự vật, hoạt động, tính chất, quan hệ...) mà từ biểu thị.</p> <p>2. Các thành phần nghĩa của từ</p> <p>- Nghĩa gốc: nghĩa ban đầu của từ</p> <p>- Nghĩa chuyển: hình thành trên cơ sở nghĩa gốc.</p> <p>3. Các cách giải thích nghĩa của từ:</p> <p>- Cách 1: Phân tích nội dung nghĩa của từ và phạm vi sử dụng, khả năng kết hợp</p> <p>- Cách 2: Dùng một (hoặc một số) từ đồng nghĩa, trái nghĩa.</p> <p>- Cách 3: Nếu là từ ghép giải thích từng thành tố cấu tạo nên từ.</p>

***Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt

HOẠT ĐỘNG 4: TỔNG KẾT

a. Mục tiêu: giúp HS vận dụng linh hoạt, phù hợp cách giải thích nghĩa của từ khi tiếp nhận văn học và giao tiếp sinh hoạt hàng ngày

b. Nội dung: Khi giải thích nghĩa của từ em cần lưu ý điều gì?

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<p>1. Những lưu ý khi giải thích nghĩa của từ</p> <p>2. Củng cố, mở rộng :</p> <p>*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài 3 SGK tr.20 - Bài 4 SGK tr.20 - Bài 6 SGK tr.20 - Bài tập: Làm video hoặc viết blog giúp HS tiểu học hoặc người nước ngoài học giải thích nghĩa của từ tiếng Việt dễ dàng, thuận lợi hơn. <p>*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm ở nhà 	<p>1. Những lưu ý khi giải thích nghĩa của từ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chú ý từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ - Căn cứ vào ngữ cảnh, tình huống giao tiếp. <p>2. Củng cố, mở rộng :</p> <p>Bài 3. SGK tr.20</p> <p>a. Giao thương: giao lưu buôn bán nói chung</p> <p>b. Nghi ngại: nghi ngờ, e ngại; chưa dám có thái độ, hành động rõ ràng.</p> <p>c. Đăm đăm: có sự tập trung chú ý hay tập trung suy nghĩ rất cao, hướng về một phía hay một cái gì đó.</p> <p>Bài 4.</p> <p>a. Ấp iu: ôm ấp Cách giải thích này chính xác vì: sử dụng cách giải thích theo cách dùng từ đồng nghĩa với từ cần giải thích.</p> <p>b. Âm u: tối tăm Cách giải thích này chính xác vì: dựa vào nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ để giải thích.</p> <p>Bài 6.</p> <p>a. Bồn chồn: nôn nao, thấp thỏm, không yên lòng. Cách giải thích: Dựa vào nghĩa gốc ban đầu của từ. Đặt câu: Nó đi lâu về quá làm tôi bồn chồn lo lắng.</p> <p>b. trầm mặc: có dáng vẻ đang tập trung suy tư, ngẫm nghĩ điều gì Cách giải thích: Phân tích nội dung nghĩa của từ. Đặt câu: Ông tư ngời trầm mặc suy nghĩ về những việc đã xảy ra.</p> <p>c. viễn xứ: nơi hoàn toàn xa xôi, cách biệt Cách giải thích: Phân tích nội dung nghĩa của từ. Đặt câu: Cậu Ba bỏ làng đi viễn xứ từ năm 18 tuổi.</p> <p>d. nhạt hoét: Có vị như của nước lã hoặc tương</p>

tự ít mặn, ít ngọt, ít chua... ý nói rất nhạt.
Cách giải thích: Phân tích nội dung nghĩa của từ.
Đặt câu: Nó nấu canh lúc nào cũng nhạt hoét.

PHIẾU HỌC TẬP

NHÓM 1 – BÀI 1

Từ	Nghĩa của từ	Cách giải thích

NHÓM 2 – BÀI 2

Từ	Nghĩa của từ	Cách giải thích

NHÓM 3 – BÀI 5

Từ	Nghĩa của từ	Cách giải thích

NHÓM 4 – BÀI 5

Từ	Nghĩa của từ	Cách giải thích

PHỤ LỤC

Rubric 1: Tiêu chí đánh giá hoạt động nhóm

Tiêu chí	Mức 3 (2.75 – 3.25đ)	Mức 2 (1 – 2,5đ)	Mức 1 (0 -1,5đ)
----------	----------------------	------------------	-----------------

Phân chia công việc	Phân chia công việc hợp lí, phù hợp với điều kiện và năng lực của từng thành viên.	Phân chia công việc cho tất cả các thành viên trong nhóm, nhưng chưa phù hợp với năng lực	Chỉ phân công công việc cho một vài cá nhân trong nhóm
Lắng nghe trao đổi	Tất cả các thành viên trong nhóm đều chú ý lắng nghe, trao đổi ,đóng góp ý kiến	Đa số các thành viên trong nhóm đều tham gia trao đổi, đóng góp ý kiến	Các thành viên trong nhóm chưa chú ý trao đổi, lắng nghe ý kiến của các thành viên khác, hầu như không đưa ra ý kiến của cá nhân.
Hợp tác	Tất cả các thành viên đều tôn trọng ý kiến của các thành viên khác và cùng thống nhất để đưa ra phương án chung của cả nhóm	Hầu hết các thành viên đều đưa ra được ý kiến cá nhân nhưng còn khó khăn trong việc thống nhất phương án chung của cả nhóm	Chỉ một vài người đưa ra ý kiến cá nhân và chưa thống nhất được phương án chung của cả nhóm

4. Củng cố: Em hãy cho biết thế nào là nghĩa của từ? Hãy chỉ ra các thành phần nghĩa và các cách giải thích nghĩa của từ?

5. HDVN: - Ôn tập văn bản: *Giải thích nghĩa của từ*

- Soạn thực hành tiếng Việt – *Chiều xuân*.

Ngày soạn:

BÀI 1:

**THÔNG ĐIỆP TỪ THIÊN NHIÊN
(TÙY BÚT, TẢN VĂN)**

Tiết 4.5- 5: ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM:

CHIỀU XUÂN

Anh Thơ

(0,5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tùy bút, tản văn....

2. Năng lực:

Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, cảm hứng chủ đạo, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc, phát hiện được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh.

3. Phẩm chất: Biết yêu quý và có ý thức gìn giữ vẻ đẹp của thiên nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên.

2. Thiết bị: bảng, bảng phụ, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, huy động tri thức nền, thu hút HS vào bài học và hiểu hơn về tác giả cũng như tác phẩm “Chiều xuân- Anh Thơ”.

b. Nội dung: GV cho HS suy nghĩ và chia sẻ câu trả lời thông qua câu hỏi gợi mở của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV đặt câu hỏi cho HS, HS suy nghĩ cá nhân và trả lời theo gợi ý của GV.	- Anh Thơ tên khai sinh là Vương Kiều Ân, sinh ra tại thị trấn Ninh Giang, Hải Dương. - Nhà thơ tìm đến thơ ca như một con

<p>GV cho HS tìm hiểu tham khảo trước ở nhà. ? Em hãy cho biết vài nét chính về tác giả Anh Thơ (nguồn gốc, phong cách sáng tác thơ...)</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS lắng nghe, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời 1 – 2 HS trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</p>	<p>đường giải thoát khỏi cuộc đời tù túng, buồn tẻ và tự khẳng định giá trị của người phụ nữ trong xã hội đương thời.</p> <p>- Anh Thơ có sở trường viết về cảnh sắc nông thôn Việt Nam, gợi không khí và nhịp sống nơi đồng quê miền Bắc ở nước ta.</p> <p>- Nhà thơ là nữ sĩ tiêu biểu của nền thơ Việt Nam hiện đại.</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG.

a. Mục tiêu: Biết cách đọc văn bản

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV chuyển giao nhiệm vụ, hướng dẫn HS <i>cách đọc văn bản trước</i></p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.</p> <p>- GV quan sát, gợi mở</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm</p> <p>- GV quan sát, hỗ trợ</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p>	<p>I. Đọc văn bản</p> <p>- HS biết cách đọc</p>

HOẠT ĐỘNG 3: TỔ CHỨC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN:

a. Mục tiêu: Nhận biết và phân tích được một số yếu tố chi tiết, hình ảnh Tiêu biểu của bức tranh “chiều xuân”.

b. Nội dung: Đọc hiểu văn bản để phân hồi các vấn đề thuộc văn bản.

c. Sản phẩm: Phần đọc của HS, phần ghi chép, chú thích của HS, câu trả lời cho các câu hỏi *Trải nghiệm cùng VB*; các phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV cho HS làm việc theo nhóm, GV chia lớp thành 4 nhóm (8-9 HS/nhóm); thảo luận thực hiện thời gian 10 phút, với các câu hỏi</p>	<p>II. Nội dung văn bản</p> <p>Câu 1: Bức tranh “chiều xuân” qua ngòi bút của thi sĩ Anh Thơ hiện lên những nét đặc biệt như:</p>

SGK. HS trình bày trên bảng phụ.

Nhóm 1: Bức tranh “chiều xuân” qua ngòi bút của thi sĩ Anh Thơ hiện lên có gì đặc biệt? Hãy chỉ ra một số hình ảnh, chi tiết tiêu biểu làm nên nét riêng của bức tranh đồng quê ấy?

Nhóm 2: Nhịp điệu của bài thơ có tác dụng gì trong việc thể hiện vẻ đẹp đặc trưng của bức tranh chiều xuân ở thôn quê?

Nhóm 3: Trong nhịp sống hối hả của cuộc sống hiện đại, bức tranh quê trong bài thơ đem đến cho bạn suy nghĩ gì?

Nhóm 4: HS trao đổi, góp ý với các nhóm khác.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- GV quan sát, gợi mở

- HS thảo luận

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm

- HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

- Bức tranh “chiều xuân” được gợi tả với những hình ảnh quen thuộc, đặc trưng của miền quê Bắc bộ như: 1 bến đò vắng khách với con đò, quán nhỏ, hoa xoan, con dê làng, cỏ non, đàn sáo đen, cánh bướm rập rờn, trâu bò, đồng lúa, lũ cò con...

- Bức tranh “chiều xuân” đẹp, bình yên, tĩnh lặng nhưng gợi buồn: mưa đổ bụi chầm chậm theo từng khoảnh khắc thời gian, bến đò thưa khách mênh mông, trống trải, con đò nhỏ nghỉ ngơi nằm trôi theo dòng nước, quán tranh đứng im lìm bên những chòm hoa xoan rụng tươi bởi trong mưa xuân.

- Bức tranh chiều xuân tuy gợi buồn nhưng vẫn được điểm chút sắc màu sinh động của sự sống thanh bình: màu “biếc” của cỏ non trải dài tràn cả con đường đê, đàn sáo đen sà xuống mổ vu vơ làm rộn cả cảnh đồng chiều; những cánh bướm nhỏ với đủ màu sắc “rập rờn”, chao lượn theo làn gió, đàn trâu ung dung, thong thả gặm cỏ mà tưởng như “cúi ăn mía”....

→ Những hoạt động ấy tuy không ồn ào, vội vã nhưng cũng đủ tạo ra những điểm chấm phá độc đáo, góp phần làm vơi bớt nỗi buồn vắng vẻ của bến đò chiều.

- Bức tranh “chiều xuân” tĩnh lặng ấy dường như trở nên tươi tắn, rộn rã và tràn đầy sức sống hơn với sự xuất hiện của âm thanh của “lũ cò con chốc chốc vụt bay ra” và hình ảnh “1 cô nàng yếm thắm” đang mãi mê “cúi cuốc cào cỏ ruộng sắp ra hoa”.

→ Tiếng động bất ngờ của lũ cò càng làm nổi bật cái tĩnh lặng, thanh bình của cảnh, vẻ đẹp của cô thôn nữ bên cạnh vẻ đẹp của thiên nhiên khiến cho cảnh sắc bình thường thân quen trở nên đẹp độc đáo, lạ thường.

2. Câu 2:

- Văn: Văn chân (vắng-lặng, cỏ-gió, ra-hoa), văn thông (trôi-bời)

→ Hầu hết văn của bài thơ đều là những âm tiết mở hoặc nửa khép, vì vậy, tạo âm hưởng vang xa gợi liên tưởng về không gian mênh mông, rộng mở, trống trải, vắng lặng của buổi chiều xuân nơi bến đò, con đê

	<p>làng và đồng ruộng thân quen.</p> <p>- Nhịp: đây là thể thơ 7 chữ nên nhịp thơ chủ yếu được ngắt nhịp 4/3 đều đặn; nhịp của bài thơ được tạo nên từ nhịp độ hoạt động của muôn vật trong bức tranh ấy.</p> <p>→ Trong khoảng không gian “chiều xuân” dưới cảm nhận của nhà thơ mọi vật dường như đều chuyển động khẽ, chậm chậm, lặng lờ, thậm chí đứng yên.</p> <p>→ Nhịp thơ vì thế cũng thật chậm rãi, nhẹ nhàng, đều đặn. Chính nhịp thơ ấy đã góp phần gợi tả vẻ đẹp đặc trưng của buổi chiều xuân ở thôn quê (thanh bình, yên ả, tĩnh lặng, gợi buồn).</p> <p>3. Câu 3.</p> <p>Cần sống chậm để lắng nghe từng biến chuyển của thiên nhiên, cố gắng huy động nhiều giác quan để quan sát, cảm nhận từng vẻ đẹp, khoảnh khắc tuyệt diệu của thiên nhiên để tìm lại cho mình những khoảnh khắc thanh bình, yên ả trong cuộc sống.</p>
--	---

HOẠT ĐỘNG 4: LUYỆN TẬP-VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ như: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, thông qua các câu hỏi trắc nghiệm và bài tập nhỏ về nhà.

b. Nội dung: Tìm hiểu một vài nét về thơ

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV cho HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và trả lời nhanh.

1. Những hình ảnh nào không được nhắc đến trong bài “Chiều Xuân”-Anh Thơ.
 - a. Một bến đò vắng khách với con đò,
 - b. Quán nhỏ, hoa xoan, con dê làng,
 - c. Cỏ non, đàn sáo đen, trâu bò, đồng lúa, lũ cò con...
 - d. Những ngôi nhà cao tầng, những hàng cột điện thẳng tắp...
2. Bài thơ “Chiều xuân” thuộc thể thơ nào?
 - a. Tự do
 - b. Lục bát.
 - c. Thất ngôn
 - d. Tứ tuyệt.
3. Bài thơ “chiều xuân” gửi đến thông điệp cần sống chậm lại để cảm nhận cuộc sống là:
 - a. Đúng
 - b. Sai
4. Hãy cảm nhận và vẽ 1 bức tranh trên giấy A4 về cảnh chiều xuân trong bài thơ “chiều xuân”.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- GV quan sát, gợi mở

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm

- HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

4. Củng cố: Em hãy nêu nội dung chính của văn bản “Chiều xuân”

5. HDVN: - Ôn tập văn bản: *Chiều xuân*

- Soạn văn bản – *Trăng sáng trên đầm sen*

BÀI 1:

**THÔNG ĐIỆP TỪ THIÊN NHIÊN
(TÙY BÚT, TẢN VĂN)**

Tiết: 5- 5.5

PHẦN 1. ĐỌC

Đọc mở rộng theo thể loại

TRĂNG SÁNG TRÊN ĐÀM SEN

-Chu Tự Thanh -

(0,5 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Một số yếu tố hình thức và nội dung của văn bản, sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tản văn.

- Một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học, tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học, những đặc trưng của thể loại bút kí và đặc sắc nghệ thuật của bài kí.

- Chủ đề, tư tưởng, cảm hứng chủ đạo, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc; các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh.

2. Về năng lực

- Nhận biết và phân tích được: một số yếu tố hình thức và nội dung của văn bản, sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tản văn qua văn bản *Trăng sáng trên đầm sen*.

- Nhận biết, phân tích và đánh giá được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học, tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học, những đặc trưng của thể loại bút kí và đặc sắc nghệ thuật của bài kí.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, cảm hứng chủ đạo, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc; phát hiện được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh được thể hiện qua văn bản *Trăng sáng trên đầm sen*.

3. Về phẩm chất

Biết yêu quý, trân trọng và có ý thức gìn giữ vẻ đẹp của quê hương, yêu đất nước, con người Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video clip tư liệu liên quan, nội dung các PHT, câu hỏi để giao nhiệm vụ HT cho HS.

- Bảng phụ, giá treo tranh (trưng bày sản phẩm HT của HS) (nếu có), giấy A4, A0/ A1/ bảng nhóm để HS trình bày kết quả làm việc nhóm, viết lông, keo dán giấy/ nam châm.

- SGK, SGV.

- Ảnh chân dung tác giả; tranh ảnh do GV chuẩn bị có liên quan đến nội dung chủ điểm (dùng cho hoạt động mở đầu) hoặc nội dung VB.

- Các PHT; bảng trình bày đặc điểm của thể loại tản văn được thể hiện qua văn bản.


III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) **Mục tiêu:** Kích hoạt kiến thức nền và tạo hứng thú cho HS.

b) **Sản phẩm:** Câu trả lời của nhóm HS.

c) **Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ:</p>	<p>Gợi ý:</p>
<p>+ HS làm việc theo nhóm (dãy bàn): (1) Vẽ đẹp nào của hoa sen làm em ấn tượng nhất? (2) Quan sát các bức ảnh được trình chiếu kết hợp với liên tưởng, cảm nhận của bản thân và cho biết: vẻ đẹp của đầm sen trong đêm trăng sáng có gợi cho em được cảm xúc đặc biệt nào không?</p> 	<p>- Vẻ đẹp hoa sen: mộc mạc, bình dị, thanh cao, thanh khiết, ... - Cảm nhận bản thân: ngỡ ngàng, hoài niệm, xúc động, vui sướng, yêu mến những cái đẹp bình dị của thiên nhiên và quê hương hơn,...</p>

+ HS làm việc theo nhóm đôi: Hoàn thành cột K và W của phiếu KWL sau:

K Những điều em đã biết về thể loại bút kí	W (Những điều em muốn biết thêm về thể loại bút kí)	L (Những điều em đã học được về bút kí)

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS tham gia theo nhóm (dãy bàn). Hoạt động (1): nhóm 1 + 2; (2): nhóm 3 + 4.

- Đại diện 1 - 2 nhóm HS trình bày nội dung cột K và W của phiếu KWL. Các nhóm khác bổ sung (nếu có). GV ghi chú tóm tắt nội dung trả lời của HS trên bảng.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Đại diện thành viên các nhóm thực hiện nhiệm vụ.

- Đại diện 1 - 2 nhóm HS trả lời câu hỏi.

Bước 4: Kết luận, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV không giới hạn phạm vi câu trả lời. HS thoải mái chia sẻ suy nghĩ của bản thân mình.

- Dựa trên cột K và W mà HS đã làm, GV xác định những nội dung thống nhất mà các em đã biết về truyện; những vấn đề còn băn khoăn, cần trao đổi, tìm hiểu thêm về thể loại này.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: Biết được những thông tin về tác giả, tác phẩm.

b. Nội dung: HS tự tìm hiểu + sử dụng SGK, chặt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: đọc và giới thiệu về tác giả <i>Chu Tự Thanh</i> và tác phẩm <i>Trăng sáng trên đầm sen</i>. - GV hướng dẫn cách đọc. GV đọc mẫu thành 	<p>I. TÌM HIỂU KHÁI QUÁT</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đọc 2. Tìm hiểu chung <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả: + Chu Tự Thanh (1891 – 1948), tên khai sinh là Chu Tự Hoa, người Dương Châu,

<p>tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Hs làm việc cá nhân, lắng nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học (nếu có).</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Câu trả lời miệng của HS.</p> <p>- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức</p>	<p>tỉnh Giang Tô, Trung Quốc.</p> <p>+ Con người chính trực thẳng thắn, yêu ghét rõ ràng.</p> <p>+ Là nhân sĩ yêu nước nổi tiếng, được đánh giá rất cao và được độc giả ưu ái gọi là “mĩ văn”.</p> <p>- Tác phẩm <i>Trăng sáng trên đầm sen</i>:</p> <p>+ Thể loại: tản văn.</p> <p>+ Xuất xứ: in trong Những câu chuyện đi cùng năm tháng, NXB Văn học, Hà Nội, năm 2014.</p> <p>+ Phương thức biểu đạt: Tự sự.</p>
---	--

Nội dung 2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu

- Cảm nhận được vẻ đẹp của đầm sen trong đêm trăng.
- Nhận biết được yếu tố tự sự, yếu tố trữ tình của tản văn và một số đặc điểm của ngôn từ qua văn bản *Trăng sáng trên đầm sen*, phân tích những đặc trưng thể loại thể hiện qua văn bản.
- Nhận biết và phân tích được cái tôi của tác giả.
- Biết yêu quý và có ý thức giữ gìn vẻ đẹp của thiên nhiên.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về đẹp của cảnh đầm sen trong đêm trăng</p> <p>- GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>Chỉ ra một số từ ngữ, hình ảnh gợi tả vẻ đẹp hòa hợp giữa ánh trăng với hoa lá trên đầm sen.</i></p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi</p> <p>- Gv quan sát, cổ vũ</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trả lời câu hỏi</p> <p>- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p> <p>NV2. Hướng dẫn học sinh tìm hiểu sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình</p>	<p>II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN</p> <p>1. Một số từ ngữ, hình ảnh gợi tả vẻ đẹp hòa hợp giữa ánh trăng với hoa lá trên đầm sen</p> <p>- Từ ngữ: tỏa, phủ, tắm gội, xuyên qua, bao trùm, hài hòa.</p> <p>- Hình ảnh:</p> <p>+ “ánh trăng như nước chảy, lặng lẽ tỏa xuống mặt lá sen và hoa sen”.</p> <p>+ “lá sen và hoa sen như vừa được tắm gội bằng sữa bò”, “lại được bao trùm trong giấc mộng bằng dải lụa mỏng”.</p> <p>+ Ánh trăng trên đầm sen không đồng đều, thể nhưng giữa ánh sáng và hình bóng tạo nên một giai điệu hài hoà, như bản nhạc vi-ô-lông (violin) nổi tiếng.</p> <p>2. Tìm hiểu sự kết hợp giữa yếu tố tự sự</p>

- GV chuyển giao nhiệm vụ:
 Gv cho HS thảo luận nhóm theo kỹ thuật khăn trải bàn, hoàn thành PHT số 1 yêu cầu:
 + Nhóm 1 + 2: Tìm những chi tiết cho thấy sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình trong văn bản Trăng sáng trên đầm sen (cột 1).
 + Nhóm 3 + 4: Nêu tác dụng của những sự kết hợp ấy (cột 2).

(1) Chi tiết cho thấy sự kết hợp	(2) Nhận xét tác dụng của sự kết hợp

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.
Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ
 - HS suy nghĩ, thảo luận và trả lời câu hỏi
 - Gv quan sát, cố vấn
Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận
 - HS trả lời câu hỏi/ trình bày sản phẩm thảo luận
 - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ
 GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

và yếu tố trữ tình

(1) Chi tiết cho thấy sự kết hợp	(2) Nhận xét tác dụng của sự kết hợp
“Tôi” kể về việc một mình đi ngắm đầm sen trong đêm trăng sen trong đêm trăng (thể hiện rõ qua đoạn 1 và 2), đồng thời bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc về cái “thú” đơn độc của mình (“tôi thích ồn ào ... ưa lúc một mình”, “cảm thấy mình là con người tự do”).	Nội dung kể trở nên sâu sắc, gợi cảm nhờ những yếu tố suy tư, mang đậm dấu ấn cá nhân
Những chi tiết gợi tả về đẹp hài hòa giữa ánh trăng với hoa lá trên đầm sen (thể hiện rõ qua đoạn 3 + 4 + 5, các đoạn này đặc tả, nhưng cũng là kể về việc đi ngắm đầm sen; trong đó yếu tố biểu cảm thể hiện qua một số từ ngữ: “dường như có chút rung động”, “càng trở nên duyên dáng”, “dễ chịu khác thường”).	Sự kết hợp ấy đã khắc họa nên vẻ đẹp thiên nhiên đêm trăng thật trữ tình, dịu ngọt và thơ mộng, tạo nên một khoảnh khắc làm rung động lòng người.
Kể về tập tục hái sen của vùng Giang Nam, trong đó yếu tố biểu cảm thể hiện rõ qua câu cuối: “Đó là ... mùa lãng mạn nhất”.	- Cảnh sắc thêm lãng mạn và say đắm lòng người. - Góp phần bộc lộ quan điểm, cách nhìn nhận của tác giả: “Đó là ... mùa lãng mạn nhất”.

NV3: Hướng dẫn HS tìm hiểu những liên tưởng, biểu cảm bất ngờ và thú vị của tác giả

3. Những liên tưởng, biểu cảm bất ngờ và thú vị, cảm hứng chủ đạo
 ❖ Những liên tưởng, biểu cảm bất ngờ

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chuyển giao nhiệm vụ: + HS làm việc theo nhóm đôi, tìm dẫn chứng trong văn bản “Trăng sáng trên đầm sen” để chứng minh người viết tùy bút, tản văn thường có những liên tưởng, biểu cảm bất ngờ và thú vị. + Từ đó, hãy xác định cảm hứng chủ đạo của văn bản. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận và hoàn thành PHT số 2 - Gv quan sát, cố vấn <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời một HS của mỗi dãy bàn lần lượt chia sẻ kết quả thảo luận. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 	<p>và thú vị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thoát khỏi bản thân vào lúc bình thường, như bước vào một thế giới khác hẳn. - Trên mặt đầm sen quanh co uốn khúc là những tán lá sen san sát. Lá sen nhô lên mặt nước rất cao, như là váy của nàng vũ nữ yêu kiều. - Có bông vừa dịu dàng hé nở, có bông còn e thẹn chúm chím, chúng như những hạt ngọc châu, lại như những cánh sao trên bầu trời đêm thăm thẳm, hoặc lại như những cô gái xinh đẹp vừa tắm xong. - Một làn gió nhẹ nhàng vô tình thổi qua, đưa hương thơm của những bông sen tỏa khắp đất trời, mùi hương được nhà thơ tinh tế mà khéo léo so sánh với “tiếng hát trên tòa nhà cao tầng từ xa vọng tới” - Lớp sương mỏng nhẹ phủ trên tán lá và cánh hoa làm cho chúng như mới được “tắm gội bằng sữa bò” hay “lại như được bao trùm trong giấc mộng bằng dải lụa mỏng” - Ánh trăng xuyên qua kẽ lá từ trên những rặng cây cao rọi xuống, bóng lá cây màu đen loang lổ từng lớp trông như ma; hình bóng của những cành liễu thưa thớt, cong cong, như vẽ lên mặt lá sen. - Liên tưởng cảm nhận “ánh trăng không được tỏ cho lắm” với cảm giác say ngủ và chợp mắt. - Ánh trăng trên đầm sen không đồng đều, thế nhưng giữa ánh sáng và hình bóng tạo nên một giai điệu hài hoà, như bản nhạc vi-ô-lông (violin) nổi tiếng. - Bất chợt nhớ lại quang cảnh hái sen. <p>❖ Cảm hứng chủ đạo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết về vẻ đẹp thiên nhiên đêm trăng thật dịu ngọt, thơ mộng. - Thể hiện niềm xao xuyến khi được thưởng thức trọn vẹn vẻ đẹp của hương sắc nơi đây.
---	--

<p>NV4: Hướng dẫn học sinh khái quát đặc điểm thể loại tản văn</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chuyển giao nhiệm vụ: + Mỗi nhóm (dãy bàn) cử một bạn bất kỳ lên lượt lên bảng nhắc lại một đặc trưng của thể loại tản văn (ghi bảng). + HS làm việc nhóm đôi, tóm tắt một số đặc 	<p>4. Khái quát đặc điểm thể loại</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th data-bbox="842 1756 1139 1921">Đặc điểm của tản văn</th> <th data-bbox="1139 1756 1474 1921">Nhận xét (Thông qua văn bản <i>Trăng sáng trên đầm sen</i>)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="842 1921 1139 2038">Kết hợp tự sự, trữ tình</td> <td data-bbox="1139 1921 1474 2038">- Đoạn trích kể lại một lần “tôi” một mình đi ngắm đầm sen trong</td> </tr> </tbody> </table>	Đặc điểm của tản văn	Nhận xét (Thông qua văn bản <i>Trăng sáng trên đầm sen</i>)	Kết hợp tự sự, trữ tình	- Đoạn trích kể lại một lần “tôi” một mình đi ngắm đầm sen trong
Đặc điểm của tản văn	Nhận xét (Thông qua văn bản <i>Trăng sáng trên đầm sen</i>)				
Kết hợp tự sự, trữ tình	- Đoạn trích kể lại một lần “tôi” một mình đi ngắm đầm sen trong				

điểm của tản văn dựa vào bảng gợi ý sau:

Đặc điểm của tản văn	Nhận xét (Thông qua văn bản <i>Trăng sáng trên đầm sen</i>)
Kết hợp tự sự, trữ tình	
Nghị luận, miêu tả thiên nhiên	
Những liên tưởng, phát hiện bất ngờ	

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày câu trả lời.

- Các HS khác lắng nghe, góp ý, bổ sung, trao đổi (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, góp ý câu trả lời của HS

- Hướng dẫn HS chú ý một số đặc điểm của tản văn thông qua VB và ghi chép vào vở.

đêm trăng sáng.

- Đồng thời, dòng cảm xúc, suy tư của tác giả cũng được bày tỏ thông qua việc miêu tả vẻ đẹp của đầm sen dưới ánh trăng:

+ Đầm sen hiện ra với vẻ đẹp dịu dàng mà lại thơ mộng biết bao (Hs liệt kê một số chi tiết, từ ngữ dùng để miêu tả) → tác giả rất vừa ý, chỉ cần chớp mắt là chút thôi, cũng khiến ông rất dễ chịu và thỏa mãn.

+ Ánh trăng xuyên thấu chiếu vào mọi vật, cảnh và trăng hòa quyện với nhau → lòng người rung động trước khoảnh khắc ấy.

→ Chất trữ tình trong tản văn, tạo nên rung động thẩm mỹ cho người đọc

Nghị luận, miêu tả thiên nhiên → bộc lộ cái tôi trong tùy bút

- Các từ nhân xưng ngôi thứ nhất
- Văn bản bộc lộ được tư tưởng, tình cảm của tác giả đối với thiên nhiên và con người:

+ Với bản thân mình: Bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc về cái “thú” đơn độc của mình: “*Một mình đi dưới ánh trăng mênh mang ... cảm thấy mình là con người tự do*”.

+ Tác giả cho rằng mùa hái sen cũng chính là “*mùa lãng mạn nhất*”: sự xinh đẹp, trẻ trung, yếu điệu của các thiếu nữ cộng hưởng với vẻ

		đẹp tinh khôi, nhẹ nhàng của hoa sen.
	+ Ngôn ngữ tinh tế, sống động mang hơi thở đời sống, giàu hình ảnh và chất trữ tình + Những liên tưởng, phát hiện bất ngờ, thú vị	- Lá sen như những cánh sao trên bầu trời. - Lớp sương mỏng nhẹ phủ trên tán lá và cánh hoa: “ <i>tấm gội bằng sữa bò</i> ” hay “ <i>lại như được bao trùm trong giấc mộng bằng dải lụa mỏng</i> ”. - Lá sen nhô lên mặt nước, như váy của nàng kiều nữ yêu kiều - Giữa ánh sáng và hình bóng tạo nên một giai điệu hài hòa, tựa như bản nhạc vi-ô-lông. - Mùi hương được so sánh khéo léo với “ <i>tiếng hát trên tòa nhà cao tầng từ xa vọng tới</i> ”. - Bất chợt nhớ tới quang cảnh hái sen, tập tục hái sen của vùng Giang Nam từ thời Lục Triều.

Nội dung 3. Tổng kết

a. Mục tiêu

Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

- b. **Nội dung:** Giáo viên phát PHT số 3, học sinh làm việc cá nhân
- c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT
- d. **Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS		DỰ KIẾN SẢN PHẨM	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ: <i>Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản theo PHT số 2 (HS làm việc cá nhân)</i>		III. TỔNG KẾT	
		<i>Nội dung</i>	<i>Nghệ thuật</i>
		- Văn bản ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên, con người trong đêm	Ngôn ngữ được sử dụng giàu tính nghệ thuật, đồng thời có sử dụng các
<i>Nội dung</i>	<i>Nghệ thuật</i>		

		trắng sáng. - Qua đó bộc lộ tình yêu thiên nhiên, tâm hồn trầm ẩn của tác giả.	biện pháp tu từ: so sánh, ẩn dụ, nhân hóa...
- HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trả lời - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Hs trả lời - Hs khác lắng nghe, bổ sung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại			

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

- a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
- b. **Nội dung:** Viết đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của bản thân về vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình trong văn bản *Trăng sáng trên đầm sen*.
- c. **Sản phẩm học tập:** Đoạn văn trình bày cảm nhận của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Hoàn thành phiếu KWL (cột L). - Viết đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của bản thân về vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình trong văn bản <i>Trăng sáng trên đầm sen</i> . B2. Thực hiện nhiệm vụ - Cá nhân HS vận dụng kiến thức đã học và trình bày cảm nghĩ. - GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). B3. Báo cáo thảo luận - GV mời 3 HS lên chia sẻ bài viết trước lớp. - Thu 5 bài viết để ghi điểm (điểm cộng hoặc điểm KTTX). B4. Đánh giá kết quả thực hiện GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	<i>(Phần cảm nhận của HS)</i>

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

- a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực hành
- b. **Nội dung:** Vào vai một tác giả văn học, viết một bài tản văn ngắn ghi lại cảm nhận của bản thân về vẻ đẹp của một cảnh sắc thiên nhiên mà bản thân em đã có dịp thăm thú.
- c. **Sản phẩm học tập:** Tranh của HS
- d. **Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ: Vào vai một tác giả văn học, viết một bài tản văn ghi lại cảm nhận của bản thân về vẻ đẹp của một cảnh sắc thiên nhiên mà bản thân em đã có dịp thăm thú.</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ (làm ở nhà)</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Gv tổ chức hoạt động - Hs nhận xét</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét, đánh giá.</p>	<p><i>Bài viết của HS.</i></p>

5. HDVN:

- Ôn tập văn bản: *Trăng sáng trên đầm sen*
- Soạn văn bản – *Viết văn bản thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận*

Ngày soạn:

BÀI 1:

THÔNGIỆP TỪ THIÊN NHIÊN (TÙY BÚT, TẢN VĂN)

PHẦN 3. VIẾT

**Tiết 5.5- 7.5: VIẾT VĂN BẢN THUYẾT MINH CÓ LỒNG GHÉP
 MỘT HAY NHIỀU YẾU TỐ NHƯ MIÊU TẢ, TỰ SỰ, BIỂU CẢM, NGHỊ LUẬN
 (2 tiết)**

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nhận diện và phân tích được lí lẽ, bằng chứng trong văn bản Một cây bút và một quyển sách có thể thay đổi thế giới.
- Xác định và phân tích được tính thuyết phục của lí lẽ, bằng chứng trong văn bản Một cây bút và một quyển sách có thể thay đổi thế giới.
- Xác định và phân tích được yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn bản Một cây bút và một quyển sách có thể thay đổi thế giới.

2. Về năng lực:

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực đặc thù

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực trình bày, suy nghĩ cảm xúc cá nhân
- Năng lực viết, tạo lập văn bản

3. Về phẩm chất: Có ý thức trong việc tạo lập văn bản thuyết minh có lồng ghép các yếu tố như miêu tả, biểu cảm, tự sự, nghị luận.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu, bảng phụ

2. Học liệu:

- Giáo án
- Phiếu bài tập
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh
- SGK, SBT Ngữ văn 11

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: GV đặt câu hỏi phát vấn: Em hiểu thế nào là thuyết minh? Hãy nối các phương thức biểu đạt với nội dung của các phương thức đó

c. Sản phẩm: Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi CH: Em hiểu thế nào là thuyết minh? Hãy nối các phương thức biểu đạt với nội dung của các phương thức đó. (Phiếu học tập 1)	- Thuyết minh là: Là cung cấp, giới thiệu, giảng giải,... những tri thức về một sự vật, hiện tượng nào đó cho những người cần biết nhưng còn chưa biết.
B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh suy nghĩ và trả lời	- Các phương thức biểu đạt và nội dung của các phương thức biểu

B3. Báo cáo thảo luận:

HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

đạt: 6 phương thức (bao gồm Thuyết minh)

+ **Tự sự:** là dùng ngôn ngữ để kể một chuỗi sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng tạo thành một kết thúc. Ngoài ra, người ta không chỉ chú trọng đến kể việc mà còn quan tâm đến việc khắc họa tính cách nhân vật và nêu lên những nhận thức sâu sắc, mới mẻ về bản chất của con người và cuộc sống.

+ **Biểu cảm:** là một nhu cầu của con người trong cuộc sống bởi trong thực tế sống luôn có những điều khiến ta rung động (cảm) và muốn bộc lộ (biểu) ra với một hay nhiều người khác. Phương thức biểu cảm là dùng ngôn ngữ để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của mình về thế giới xung quanh.

+ **Miêu tả:** là dùng ngôn ngữ làm cho người nghe, người đọc có thể hình dung được cụ thể sự vật, sự việc như đang hiện ra trước mắt hoặc nhận biết được thế giới nội tâm của con người.

+ **Nghị luận:** là phương thức chủ yếu được dùng để bàn bạc phải trái, đúng sai nhằm bộc lộ rõ chủ kiến, thái độ của người nói, người viết rồi dẫn dắt, thuyết phục người khác đồng tình với ý kiến của mình.

+ **Hành chính – công vụ:** là phương thức dùng để giao tiếp giữa Nhà nước với nhân dân, giữa nhân dân với cơ quan Nhà nước, giữa cơ quan với cơ quan, giữa nước này và nước khác trên cơ sở pháp lý [thông tư, nghị định, đơn từ, báo cáo, hóa đơn, hợp đồng...]

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Nội dung 1: Tìm hiểu các yêu cầu về kiểu bài**

a. Mục tiêu: Nhận biết được kiểu bài, yêu cầu đối với VB Thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận .

b. Nội dung: GV hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi bằng PHT

c. Sản phẩm: Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ Hướng dẫn Hs tìm hiểu yêu cầu về kiểu bài: + <i>Bài thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận. là kiểu bài thể nào?</i></p> <p>+ <i>Khi viết bài thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận cần chú ý yêu cầu gì?</i></p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn - GV quan sát, gợi mở</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận: - Gv tổ chức hoạt động - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p>	<p>I/ Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài * Kiểu bài: Thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận là kiểu bài thông tin tổng hợp, sử dụng kết hợp nhiều yếu tố, phương tiện để miêu tả, giải thích làm rõ đặc điểm của một đối tượng hoặc một quy trình hoạt động, giúp người đọc hiểu rõ về đối tượng hay quy trình hoạt động.</p> <p>* Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được đối tượng hay quy trình cần thuyết minh - Làm rõ các đặc điểm của đối tượng/ các bước thực hiện hay các công đoạn trong việc thực hiện quy trình. - Lồng ghép được một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận. - Sắp xếp nội dung theo trình tự hợp lí. - Sử dụng ngôn ngữ, phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ phù hợp. - Bố cục đảm bảo ba phần: <p>+MB: Nêu nhan đề bài viết và giới thiệu đối tượng/ quy trình cần thuyết minh.</p> <p>+ TB: Lần lượt thuyết minh về các đặc điểm có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận và có thể kết hợp sử dụng một số phương tiện phi ngôn ngữ để hỗ trợ làm rõ nội dung thuyết minh.</p> <p>+ KB: Khẳng định giá trị của đối tượng/ quy trình trong đời sống hoặc nêu tác dụng của việc nhận thức đúng về đối tượng/ quy trình.</p>

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: Nhận biết các yêu cầu về kiểu bài thông qua việc quan sát, đọc và phân tích VB mẫu.

b. Nội dung: Gv hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi bằng PHT

c. Sản phẩm: Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ CH: Từng phần mở đầu, nội dung chính, kết thúc của bài viết đã được triển khai như thế nào và đã đáp ứng yêu cầu của kiểu bài thuyết minh hay chưa?</p> <p>CH: Nội dung thuyết minh về quy trình làm một chiếc nón lá được sắp xếp theo trình tự nào? Tác dụng của việc sắp xếp nội dung thuyết minh theo trình tự ấy là gì?</p> <p>CH: Các yếu tố miêu tả có tác dụng như thế nào trong một bài thuyết minh về quy trình hoạt động; chỉ ra một số chi tiết cho thấy bài viết tham khảo có sử dụng yếu tố này.</p>	<p>II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo</p> <p>Câu 1: Từng phần mở đầu, nội dung chính, kết thúc của bài viết trên đã đáp ứng yêu cầu của kiểu bài thuyết minh như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Nêu được đối tượng cần thuyết minh.- Làm rõ được các đặc điểm/ các bước thực hiện và các công đoạn trong việc thực hiện nón lá.- Sắp xếp nội dung thuyết minh nón lá theo trình tự hợp lí.- Lồng ghép được các yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm... vào bài viết.- Sử dụng ngôn ngữ, phương tiện phù hợp.- Đảm bảo bố cục 3 phần của văn bản. <p>Câu 2: Nội dung thuyết minh về quy trình làm một chiếc nón lá được sắp xếp theo từng công đoạn.</p> <ul style="list-style-type: none">- Tác dụng: Việc sắp xếp nội dung theo trình tự ấy giúp người đọc, người nghe dễ hình dung và hiểu rõ hơn về cách để làm một chiếc nón lá. <p>Câu 3:</p> <ul style="list-style-type: none">- Các yếu tố miêu tả làm cho bài thuyết minh về quy trình hoạt động trở nên rõ ràng, chi tiết, giúp người đọc; người nghe dễ hình dung hơn về các công đoạn, cách xử lí... của đối tượng.- Một số chi tiết có sử dụng yếu tố miêu tả là:<ul style="list-style-type: none">+ “Khi xếp lá, người thợ phải khéo léo sao cho lúc chêm lá không bị chông lên thành nhiều lớp, để nón đạt được độ thanh và mỏng”.+ “Từ vành nón, khoảng nan thứ ba và thứ tư, người thợ sẽ dùng chỉ kết nhôi, đối xứng hai bên để buộc quai. Quai nón thường được làm

<p>CH: Các yếu tố nghị luận và biểu cảm sử dụng đan xen trong bài viết có tác dụng gì?</p> <p>CH: Bài viết sử dụng loại phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ nào? Tác dụng của phương tiện ấy trong bài viết là gì?</p> <p>CH: Từ bài viết, bạn rút ra được những lưu ý gì khi viết bài văn thuyết minh về một quy trình có sử dụng kết hợp một hay nhiều yếu tố như miêu tả, biểu cảm, nghị luận?</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn - GV quan sát, gợi mở (em thấy kênh nào dễ nhìn, dễ nhớ hơn...) <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv tổ chức hoạt động - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 	<p>bằng lụa, the, nhung... với các màu sắc như tím, hồng đào, xanh thiên lí...”</p> <p>Câu 4: Các yếu tố nghị luận và biểu cảm sử dụng đan xen giúp cho bài viết trở nên gần gũi, dễ đọc, dễ nghe hơn.</p> <p>Câu 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài viết trên sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ: hình ảnh. - Tác dụng: Giúp cho người đọc dễ hình dung hơn về đối tượng và quy trình thực hiện. <p>Câu 6:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định rõ đối tượng cần thuyết minh. - Sử dụng ngôn ngữ, phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp. - Kết hợp hài hòa giữa các yếu tố: miêu tả, biểu cảm, nghị luận... - Sắp xếp nội dung theo trình tự hợp lí.
--	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được những thao tác cần làm, những lưu ý khi thực hiện các bước trong quy trình viết VB thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.
- Biết tìm ý, lập dàn ý và viết VB thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.
- Biết cách xem lại và chỉnh sửa VB thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận của bản thân và của các bạn khác trong lớp.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi bằng PHT, phân tích ví dụ

c. Sản phẩm: Sản phẩm PHT, câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

* Chuẩn bị viết

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chuyển giao nhiệm vụ: + Vấn đề mà em định viết là gì? 	<p>III. Thực hành viết theo các bước</p> <p>Đề 1: Viết bài văn thuyết minh về một quy trình hoạt động hoặc một đối tượng</p>

<p>+ <i>Xác định đề tài và mục đích viết .</i></p> <p>- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS quan sát, lắng nghe và trả lời</p> <p>- GV quan sát, hỗ trợ</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>- Gv tổ chức hoạt động</p> <p>- HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>- Gv bổ sung, nhận xét</p>	<p>mà bạn quan tâm. Bài viết có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.</p> <p>1. Chuẩn bị viết</p> <p>- Xác định đề tài: đề tài của bài thuyết minh về quy trình/ đối tượng cần đáp ứng yêu cầu sau:</p> <p>+ Là quy trình/ đối tượng mà bạn hiểu rõ</p> <p>+ Được nhiều người quan tâm</p> <p>+ Có điểm riêng hấp dẫn.</p> <p>- Xác định mục đích viết, đối tượng người đọc</p> <p>+ Mục đích viết:</p> <p>+ Người đọc bài viết của bạn có thể là thầy cô giáo bộ môn, bạn bè cùng lớp, phụ huynh,...</p>
---	--

*** Tìm ý, lập dàn ý:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>+ <i>Vấn đề mà em định viết là gì?</i></p> <p>+ <i>Các ý sắp xếp theo trình tự như thế nào?</i></p> <p>- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ</p> <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS quan sát, lắng nghe và trả lời</p> <p>- GV quan sát, hỗ trợ</p> <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <p>- Gv tổ chức hoạt động</p> <p>- HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung</p> <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <p>- Gv bổ sung, nhận xét</p>	<p>2. Tìm ý, lập dàn ý</p> <p>- Tìm ý: Quan sát tiếp cận đối tượng hoặc theo dõi quy trình cần thuyết minh, kết hợp thu thập thông tin trên sách, báo, các phương tiện truyền thông.</p> <p>* Chẳng hạn như thuyết minh về quy trình làm bánh trung thu, bạn có thể tìm ý theo các vấn đề gợi ý sau:</p> <p>+ Lịch sử ra đời của bánh trung thu</p> <p>+ Nguyên liệu</p> <p>+ Các bước làm bánh</p> <p>+ Yêu cầu thành phẩm</p> <p>+ Ý nghĩa của bánh trung thu trong đời sống văn hóa của người Việt Nam.</p> <p>- Lập dàn ý</p> <p>Sắp xếp các ý theo một trình tự hợp lí:</p> <p>- Mở bài: giới thiệu quy trình/đối tượng và lí do cần thuyết minh.</p> <p>- Thân bài:</p> <p>+ Miêu tả bao quát đối tượng/ quy trình</p> <p>+ Trình bày từng phương diện của đối tượng/ quy trình thuyết minh theo một trật tự hợp lí (trước – sau; trên- dưới; trong – ngoài; khái quát- cụ thể)</p> <p>+ Tập trung giới thiệu đặc điểm đặc sắc nhất của đối tượng/ quy trình.</p> <p>+ Làm rõ vai trò, giá trị, ý nghĩa của đối tượng/ quy trình.</p>

	- Kết bài: Đánh giá đối tượng/ quy trình cần thuyết minh.
--	---

*** Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
<p>B1. Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chuyển giao nhiệm vụ: - Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ <p>B2. Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát, lắng nghe và trả lời - GV quan sát, hỗ trợ <p>B3. Báo cáo thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv tổ chức hoạt động - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung <p>B4. Đánh giá kết quả thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv bổ sung, nhận xét 	<p>3. Viết bài:</p> <p>Tùy vào đối tượng/ quy trình thuyết minh, lựa chọn các bước thuyết minh hợp lí. Chung quy, khi viết bài văn thuyết minh cần phải đáp ứng các yêu cầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bám sát đối tượng/ quy trình thuyết minh. - Làm sáng tỏ các đặc điểm của đối tượng/ quy trình bằng cách giới thiệu, miêu tả, giải thích. Sắp xếp nội dung thuyết minh theo một trình tự hợp lí. Chú ý lựa chọn ngôn ngữ và các phương tiện hỗ trợ trình bày phù hợp với từng nội dung thuyết minh. Có thể sử dụng kết hợp một số phương tiện phi ngôn ngữ như: sơ đồ, hình ảnh, mô hình... để tăng tính trực quan, sinh động, hấp dẫn. - Đưa ra những nhận xét, đánh giá đảm bảo tính khách quan, xác thực, phù hợp với đối tượng/ quy trình. - Thông tin cần chính xác, phong phú, đa dạng, lồng ghép nghị luận và biểu cảm để bài thuyết minh không bị khô khan. - Lưu ý tránh các lỗi chính tả, dùng từ, viết câu, liên kết câu/ đoạn <p>4. Xem lại và chỉnh sửa</p>

Phụ lục

PHIẾU HỌC TẬP 1

Nối cột A với cột B sao cho phù hợp	
A	B
Tự sự	là một nhu cầu của con người trong cuộc sống bởi trong thực tế sống luôn có những điều khiến ta rung động (cảm) và muốn bộc lộ (biểu) ra với một hay nhiều người khác. Phương thức biểu cảm là dùng ngôn ngữ để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của mình về thế giới xung quanh.
Miêu tả	là phương thức chủ yếu được dùng để bàn bạc phải trái, đúng sai nhằm bộc lộ rõ chủ kiến, thái độ của người nói, người viết rồi dẫn dắt, thuyết phục người khác đồng tình với ý kiến của mình.
Biểu cảm	là phương thức dùng để giao tiếp giữa Nhà nước với nhân dân, giữa nhân dân với cơ quan Nhà nước, giữa cơ quan với cơ quan, giữa nước này và nước khác trên cơ sở pháp lý [thông tư, nghị

	định, đơn từ, báo cáo, hóa đơn, hợp đồng...]
Nghị luận	là dùng ngôn ngữ làm cho người nghe, người đọc có thể hình dung được cụ thể sự vật, sự việc như đang hiện ra trước mắt hoặc nhận biết được thế giới nội tâm của con người.
Thuyết minh	là dùng ngôn ngữ để kể một chuỗi sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng tạo thành một kết thúc. Ngoài ra, người ta không chỉ chú trọng đến kể việc mà còn quan tâm đến việc khắc họa tính cách nhân vật và nêu lên những nhận thức sâu sắc, mới mẻ về bản chất của con người và cuộc sống.
Hành chính- công vụ	Là cung cấp, giới thiệu, giảng giải,... những tri thức về một sự vật, hiện tượng nào đó cho những người cần biết nhưng còn chưa biết.

PHIẾU HỌC TẬP 2

Họ và tên học sinh:.....Lớp.....

PHIẾU VIẾT VĂN BẢN THUYẾT MINH CÓ LÒNG GHÉP MỘT HAY NHIỀU YẾU TỐ NHƯ MIÊU TẢ, TỰ SỰ, BIỂU CẢM, NGHỊ LUẬN

ĐỀ BÀI: Viết bài thuyết minh về một quy trình hoạt động hoặc một đối tượng mà bạn quan tâm. Bài viết có lòng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận

ĐỐI TƯỢNG THUYẾT MINH:

.....

NHIỆM VỤ 1. XÂY DỰNG HỆ THỐNG CÁC BƯỚC THỰC HIỆN

Bước 1: Chuẩn bị viết

*** Xác định đề tài, mục đích viết, đối tượng người đọc**

- Đề tài của bài thuyết minh về quy trình/ đối tượng cần đáp ứng các yêu cầu sau:
- + Là quy trình/ đối tượng mà bạn hiểu rõ, thuận lợi cho việc thuyết minh.
- + Được nhiều người quan tâm.
- + Có điểm riêng, hấp dẫn.

Văn bản này viết ra nhằm mục đích gì?

Người đọc văn bản này là ai?

*** Thu thập tư liệu**

- + Phạm vi lựa chọn của bạn cần giới hạn ở một nội dung.
- + Sau khi chọn được đối tượng/ quy trình hoạt động cần thuyết minh, bạn hãy vận dụng các kĩ năng thu thập tư liệu đã được giới thiệu ở các lớp trước để thực hiện thao tác này.

Nội dung được lựa chọn là gì?	
Các nguồn tư liệu thu thập về đối tượng từ đâu? (Trích dẫn nguồn và nội dung thu thập)	
Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý	
* Tìm ý: Bạn nên quan sát, tiếp cận trực tiếp đối tượng hoặc theo dõi quy trình cần thuyết minh, kết hợp thu thập những thông tin trên sách, báo, các phương tiện truyền thông.	
Lịch sử ra đời	
Nội dung/Nguyên liệu/ Thành phần	
Các bước thực hiện (đồ ăn), quy trình xây dựng (di tích), quy trình hoạt động (hoạt động cụ thể)	
Yêu cầu thành phẩm	
Ý nghĩa của thành phẩm	
* Lập dàn ý : Sắp xếp các ý theo một trình tự hợp lí.	
Mở bài: Giới thiệu quy trình/ đối tượng và lí do cần thuyết minh.	
Thân bài: + Tổng quan về đối tượng/ quy trình cần thuyết minh + Trình bày những đặc điểm cụ thể của đối tượng hoặc các bước/ công đoạn của một quy trình (nguyên liệu thực hiện, các bước tiến hành, yêu cầu thành phẩm, ý nghĩa...) + Miêu tả chi tiết một vài đặc điểm, một vài công đoạn độc đáo, đặc sắc hoặc lồng ghép các nhận xét, đánh giá, bày tỏ cảm xúc.	
Kết bài: Đánh giá về đối tượng/ quy trình thuyết minh.	

Bước 3: Viết bài

Tùy vào đối tượng/ quy trình thuyết minh, lựa chọn các bước thuyết minh hợp lí. Chung quy, khi viết bài văn thuyết minh cần phải đáp ứng các yêu cầu.

- Bám sát đối tượng/ quy trình thuyết minh.
- Làm sáng tỏ các đặc điểm của đối tượng/ quy trình bằng cách giới thiệu, miêu tả, giải thích. Sắp xếp nội dung thuyết minh theo một trình tự hợp lí. Chú ý lựa chọn ngôn ngữ và các phương tiện hỗ trợ trình bày phù hợp với từng nội dung thuyết minh. Có thể sử dụng kết hợp một số phương tiện phi ngôn ngữ như: sơ đồ, hình ảnh, mô hình... để tăng tính trực quan, sinh động, hấp dẫn.
- Đưa ra những nhận xét, đánh giá đảm bảo tính khách quan, xác thực, phù hợp với đối tượng/ quy trình.
- Thông tin cần chính xác, phong phú, đa dạng, lồng ghép nghị luận và biểu cảm để bài thuyết minh không bị khô khan.
- Lưu ý tránh các lỗi chính tả, dùng từ, viết câu, liên kết câu/ đoạn

NHIỆM VỤ 2. VIẾT BÀI – HOÀN THÀNH SẢN PHẨM BÀI VIẾT

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Trả bài)

a. **Mục tiêu:** Biết vận dụng quy trình viết VB

b. **Nội dung:** HS hoàn thành bài viết và tự đối chiếu với rubric chấm trước khi nộp cho GV

c. **Sản phẩm:** Bài làm của HS

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ: <i>Từ bài viết đã được đọc, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm trên lớp, GV cho HS về nhà thực hiện hai nhiệm vụ:</i> + <i>Sửa bài viết cho hoàn chỉnh và công bố.</i> + <i>Chọn một VB có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận. để giới thiệu với các bạn trong lớp và làm phong phú thêm “kho tài nguyên” của lớp học.</i> - Hs tiếp nhận nhiệm vụ	GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS
B2. Thực hiện nhiệm vụ: - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở	

- HS thực hiện nhiệm vụ;

B3. Báo cáo thảo luận:

- Gv tổ chức hoạt động

- Hs trả lời câu hỏi

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- Gv tổ chức hoạt động

- Hs trả lời câu hỏi

4. Củng cố: Qua bài viết tham khảo:

Thuyết minh về bánh Trung thu

Tết Trung thu, phải nói đến chiếc bánh nướng, bánh dẻo kì diệu, cũng giống như chiếc bánh chưng trong những ngày Tết Nguyên Đán và quy trình làm ra chiếc bánh Trung thu cũng thật đáng chú ý.

Bánh dẻo có hai phần: Phần áo và phần nhân. Áo bánh phải chọn gạo nếp vàng, vùng Trôi hoặc vùng Bắc Ninh, Bắc Giang. Gạo được rang rồi xay, hoặc giã nhỏ mịn, nhào với nước đường thẳng ngan ngát một mùi hương bưởi. Tất cả những công đoạn kể trên đều phải do một bàn tay thợ có “nghề” đã được “hạ sơn” đảm nhiệm. Người thợ không được sai sót một khâu nào. Sai một ly đi một dặm. Lúc ra khuôn, cái bánh hiện rõ những hoa văn chìm nổi của một bông hoa nở 8 cánh hoặc 10 cánh. Khuôn mặt áo bánh dẻo mịn, bánh ngọt đậm, thơm dịu. Phần nhân bánh nhất thiết phải do thợ cả quán xuyên với những khâu quan trọng đầy bí quyết nhà nghề như: rang vừng, ủ vừng, xử lý mút bí khấu, mút sen, hạt dưa, hạnh nhân, ướp nhân, tạo hương cho nhân...

Nhân của bánh dẻo chay tịnh, nặng mùi hương đồng gió nội. Mãi về sau này, người ta mới phá cách cho thêm lạ sườn vào. Nhân bánh nướng được cải tiến với nhiều sáng kiến. Mỗi hiệu bánh đều muốn có phần độc đáo của mình. Và lại bánh nướng là “em” của bánh dẻo. Nó sinh sau đẻ muộn, mới xuất hiện từ năm 1930 nên lăm trờ hơn. Ngoài mút bí, hạt dưa, nhân bánh nướng còn có thêm cả ruột quả trứng ở giữa hoặc thịt lợn quay, gà quay, lạ sườn... gọi là nhân thập cẩm... Bánh nướng cũng có loại nhân chay bằng đậu xanh mịn, dừa sợi, hạt sen.

Bánh dẻo trắng trong, bánh nướng có màu vàng sẫm và vàng nhạt do chỗ nướng già, nướng non tạo ra, thường có đường kính chừng 7-8cm, chiều dày 2,5-3 cm. Cứ 4 cái bánh được xếp chồng lên nhau là một cân. Ngoài giấy bọc có in nhãn hiệu đẹp và nhiều màu sắc. Đặc biệt là các hiệu người Hoa rất chú ý in nhãn hiệu thật nổi. Nhiều nhà còn đặt làm những chiếc bánh dẻo đặc biệt to bằng chiếc đĩa tây hoặc gần bằng cái mâm, trên có hình mặt trăng tròn, lưỡng long tranh châu, song phượng...

Nghĩa là người thợ làm cả cái việc tạo hình trên chiếc bánh. Bánh dẻo, bánh nướng Trung thu nói lên cái tài hoa của người thợ. Ngay cả ở các hiệu lớn của người Hoa trước đây, thợ Việt Nam cũng chiếm 70-90%. Hằng năm, cứ đến gần Tết Trung thu là các hiệu lại rộn rã cho người về các vùng lân cận, đón các phường thợ làm bánh nổi tiếng ra Hà Nội vào mùa. Các chủ hiệu ưu ái họ lắm, mỗi người được chủ hiệu phát một áo choàng trắng, mũ trắng và một đôi guốc mộc. Các cửa hàng lấy làm hãnh diện đã mời được ông Toán làng Bưởi, các ông Ba Thiện xã Cào ở tỉnh Sờn, ông Quế Xuân Tảo Sở, hoặc ông Lý Bắc Ninh.

Sự thật đã có một thời vẻ vang, các hiệu bánh Tùng Hiên, Tràng Thái, Ngọc Anh, Cự Hương, Việt Hương... đã nổi danh xa gần ai cũng biết tiếng. Bánh của họ đủ sức cạnh tranh với các hiệu người Hoa như Tây Nam, Mỹ Kinh. Từ kẻ chợ đến vùng quê, nhân dân các tỉnh khác không bao giờ quên, sản phẩm của họ với cái “tặng”, cái “gu” Việt Nam. Có điều, các hiệu của người Hoa chú ý nhiều đến bao bì, quảng cáo hơn. Họ tiếp khách niềm nở với đủ những chi tiết tế nhị và tỉ mỉ.

Tết Trung thu, nhà nào cũng phải có bánh dẻo. Người nghèo cũng cố mua cho con cái một vài cái bánh dẻo. Không có bánh dẻo tức là không có Tết. Người ta làm quà cho ân nhân, khách quý, bạn thân...bằng bánh Trung thu. Chiếc bánh dẻo tròn, gọt hình mặt trăng thể hiện sự tròn đầy, viên mãn.

Vào những năm 1989 – 1990, những chiếc bánh Trung thu từng tham dự các Hội chợ quốc tế ở đức và Bun-ga-ri, gây sự chú ý đặc biệt và được tặng Huy chương độc đáo. Chúng mang mùi vị, thanh sắc Việt Nam, kèm theo cái nghệ thuật thưởng thức miếng ngon tinh tế, thanh nhã. Nó cũng là biểu tượng văn hóa của Việt Nam. Chiếc bánh Trung thu sẽ trường tồn. Chúng ta mong sao có thêm nhiều người thợ tài hoa kế tục nghệ thuật làm bánh Trung thu truyền thống, không những cho mọi người mà còn cho khách nước ngoài thưởng thức mỗi khi đến với mùa Tết Trung thu.

5. HDVN:

- Ôn tập văn bản: Viết văn bản thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận
- Soạn văn bản – Giới thiệu một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật theo lựa chọn cá nhân.

Ngày soạn:

BÀI 1:

**THÔNGIỆP TỪ THIÊN NHIÊN
(TỪ BÚT, TẢN VĂN)**

PHẦN 4. NÓI VÀ NGHE

Tiết: 7.5-8.5

NÓI: GIỚI THIỆU MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC HOẶC MỘT TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT THEO LỰA CHỌN CÁ NHÂN

**NGHE: NẮM BẮT NỘI DUNG THUYẾT TRÌNH VÀ QUAN ĐIỂM CỦA NGƯỜI NÓI; NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ, ĐẶT CÂU HỎI VỀ BÀI THUYẾT TRÌNH
(1 tiết)**

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực đặc thù

- Học sinh ghi nhớ được các bước thuyết trình và đánh giá nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm văn học hoặc tác phẩm nghệ thuật theo lựa chọn cá nhân
- Học sinh tự tin trình bày chia sẻ quan điểm của bản thân
- Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ để thực hành nói và nghe

2. Về năng lực chung: Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,....

3. Về phẩm chất: Phẩm chất và tinh thần về công dân số, công dân toàn cầu được rút ra từ tác phẩm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THỂ	
a. Mục tiêu hoạt động: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học	
b. Nội dung thực hiện:	
❖ GV hỏi: Làm thế nào để có thể truyền tải được nội dung tư tưởng và những nét đặc sắc của tác phẩm qua một bài nói ngắn?	
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV đặt câu hỏi	HS chia sẻ quan điểm cá nhân - Người nói hiểu về tác phẩm - Người nói biết nhấn nhá và xoáy vào những điều đặc sắc của tác phẩm - Sử dụng kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời	
Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ	
Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên dẫn dắt vào bài học	
2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI	
a. Mục tiêu hoạt động:	
❖ Học sinh ghi nhớ được các bước thuyết trình và đánh giá nội dung, nghệ thuật của	

một tác phẩm văn học hoặc tác phẩm nghệ thuật theo lựa chọn cá nhân

❖ **Học sinh tự tin trình bày** chia sẻ quan điểm của bản thân

b. Nội dung thực hiện:

❖ Học sinh đọc thật kỹ các thao tác chuẩn bị nói và nghe

❖ Học sinh hoàn thiện phiếu học tập về kỹ năng nói nghe

❖ Học sinh chuẩn bị bài nói dưới dạng dàn ý và chia sẻ bài nói

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

● Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kỹ phần nội dung chuẩn bị

● HS đọc và ghi chép lại các thông tin và suy nghĩ của bản thân

● HS thực hành lập dàn ý và nói

Đề bài: Giới thiệu và làm rõ giá trị của một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật mà bạn yêu thích

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh thực hành nói theo chủ đề

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm

Bước 4. Kết luận, nhận định

Giáo viên chốt những kiến thức

● **Học sinh đọc tài liệu và xác định những nội dung cần chuẩn bị nói**

Bước 1: Chuẩn bị nói

Xác định đề tài, mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian và thời gian nói

Đề tài: Giới thiệu về một tác phẩm văn học (tùy bút, tản văn, bài thơ,...) hoặc tác phẩm nghệ thuật (điện ảnh, âm nhạc, hội họa, kiến trúc, điêu khắc,...) theo lựa chọn cá nhân.

• **Mục đích nói:** Giúp người nghe nắm bắt một số thông tin chính về tác phẩm nói: Giúp người nghe nắm bắt một số thông tin chính về tác để họ có thể cập nhật thông tin, chủ động tìm hiểu, thưởng thức,... Ngoài những mục đích trên, bài nói của bạn còn có mục đích nào khác nữa?

• **Đối tượng người nghe:** Ngoài bạn bè, thầy, cô giáo, bạn còn muốn trình bày bài nói với ai?

• **Không gian và thời gian nói:** Không gian trình bày ở đâu?, Bạn sẽ nói trong bao lâu?...

Tìm ý

Để tìm ý cho bài nói, bạn nên:

• Chọn một tác phẩm văn học (tùy bút, tản văn, bài thơ,...) hoặc tác phẩm nghệ thuật (điện ảnh, âm nhạc, hội họa, kiến trúc, điêu khắc,...) mà bạn yêu thích.

• Tìm hiểu kỹ tác phẩm. Có thể tham khảo thêm một số tư liệu liên quan đến tác giả, hoàn cảnh ra đời, vị trí của tác phẩm, đánh giá của các nhà chuyên môn,...

• Ghi chú lại những thông tin sau:

– Tên tác phẩm nghệ thuật, thể loại; tên tác giả; tên nhà xuất bản/đạo diễn/ họa sĩ/ nhạc sĩ,....; năm xuất bản/sản xuất/sáng tác,...

– Một số đặc điểm về nội dung, hình thức nghệ thuật, chủ đề và thông điệp của tác phẩm, trong đó đặc biệt lưu ý:

Đối với tác phẩm văn học, cần giới thiệu về đặc điểm nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. Ví dụ: Khi giới thiệu một tác phẩm tản văn hay tùy bút từ bài học này, bạn có thể tóm tắt những tình cảm, suy tư, nhận thức của tác giả về hình ảnh con người, sự việc được miêu tả trong tác phẩm và một số nét đặc sắc nghệ thuật như kết sự hơn giữa yếu tố tư sự và trữ tình

Đối với tác phẩm nghệ thuật, bạn cần giới thiệu về đặc điểm nội dung và nghệ thuật dựa trên đặc trưng loại hình

	<p>của tác phẩm như:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tác phẩm điện ảnh: bối cảnh xảy ra câu chuyện, cốt truyện, nhân vật, diễn viên (đặc biệt là diễn viên chính), âm thanh, hình ảnh, ánh sáng, góc quay,... + Tác phẩm hội hoạ: hình ảnh con người hoặc sự vật được thể hiện trong tác phẩm, không gian xung quanh, đường nét và hình khối, bố cục, màu sắc, kích thước, tỉ lệ, chất liệu,... + Tác phẩm âm nhạc: nội dung bản nhạc/ bài hát, ca từ, giai điệu, tiết tấu, hoà âm, nghệ thuật trình bày/ biểu diễn của nghệ sĩ/ ca sĩ,... + Tác phẩm điêu khắc: hình ảnh con người hoặc sự vật được khắc hoạ trong tác phẩm, phối cảnh đặt để, trưng bày tác phẩm, mảng khối, bố cục, kích cỡ, chất liệu,... <p>- Nhận xét, đánh giá điều bạn yêu thích/không thích về tác phẩm (chọn ít nhất một yếu tố nào đó của tác phẩm để nhấn mạnh), cảm xúc/ tâm trạng khi đọc/xem/ nghe tác phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Cách thức thể hiện bài trình bày, ví dụ như đóng vai, đọc thơ, biểu diễn một phân đoạn nào đó của tác phẩm. – Ý tưởng về việc sử dụng phương tiện trực quan hỗ trợ cho bài giới thiệu, ví dụ: máy chiếu; hình ảnh minh hoạ cho tác phẩm; đoạn phim/ đoạn nhạc được cắt ra từ tác phẩm, trang phục biểu diễn,.. <p>Lập dàn ý (Có thể lập dàn ý theo mẫu ở phụ lục)</p> <p>Luyện tập</p> <p>Khi luyện tập, bạn nên đối chiếu dàn ý bài nói với bảng kiểm. Để phần trình bày đạt hiệu quả tốt nhất, bạn nên:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Mở đầu ngắn gọn, hấp dẫn, gợi hứng thú; kết thúc ấn tượng, đặc sắc, tạo dư âm. • Lựa chọn từ ngữ đơn giản, dễ hiểu, sinh động; giải thích rõ những từ ngữ khó. • Nắm vững bố cục bài trình bày, dùng từ ngữ chuyển tiếp giữa các phần để người nghe dễ theo dõi. • Trích dẫn một số câu văn/ thơ, lời thoại giữa các nhân vật, ca từ, phân cảnh/ phân đoạn ấn tượng trong tác phẩm điện ảnh/âm nhạc, trình chiếu hình ảnh của tác phẩm hội hoạ, điêu khắc để làm rõ nội dung giới thiệu. • Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ (phương tiện hỗ trợ trình bày, phương tiện ngôn ngữ hình thể) để tăng tính hấp dẫn, sinh động cho bài trình bày. • Sử dụng một số kỹ thuật như: cách phát âm, sự nhấn mạnh, tốc độ nói, chỗ ngừng nghỉ,... • Dự kiến một số vấn đề mà người nghe có thể trao đổi. <p>Bước 2: Trình bày bài nói</p> <p>Tạo không khí và mối quan hệ gần gũi, thân thiện, lịch sự với người nghe.</p>
--	--

- Sử dụng thẻ ghi chú ghi lại những từ ngữ quan trọng; sắp xếp các thẻ ấy hợp lí để hỗ trợ người nghe theo dõi phần trình bày.
- Sử dụng cách xưng hô và các phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp, thể hiện sự quan tâm đến người nghe, mời gọi người nghe tương tác với mình trong khi nói.
- Nói bằng giọng tự tin, rõ ràng, rành mạch, có cảm xúc.

Bước 3: Trao đổi, đánh giá

Trao đổi

Trong vai trò người nghe: Thể hiện thái độ lắng nghe chăm chú, nghiêm túc bằng những tín hiệu không lời (ánh mắt, cái gật đầu, nụ cười,...); nêu rõ những điểm thú vị trong câu chuyện của người nói; phản hồi lịch sự với người nói về những nội dung chưa hiểu rõ, những vấn đề mà bạn cho là chưa hợp lí, chưa đồng tình.

Trong vai trò người nói: Kiên nhẫn chờ đến lượt lời của bạn; tránh chỉ trích gay gắt, trao đổi trên tinh thần xây dựng; tôn trọng ý kiến của người khác; giải thích rõ hơn về những điều mà người nghe chưa hiểu về bài trình bày của bạn hoặc khác quan điểm với bạn (nếu có); cầu thị và ghi chép tóm lược câu hỏi hoặc góp ý của người nghe.

Đánh giá: Tham khảo bảng kiểm

● **Học sinh đọc tài liệu và xác định những nội dung cần chuẩn bị nghe**

Bước 1: Chuẩn bị nghe

Trước khi nghe một bài thuyết trình, bạn nên:

- Tìm hiểu trong sách, báo, Internet về đề tài của bài thuyết trình.
- Suy nghĩ về những gì bạn đã biết và muốn biết thêm về đề tài của bài thuyết trình
- Chuẩn bị bút, giấy để ghi chép.
- Tìm vị trí thích hợp để có thể theo dõi và tương tác tốt với người thuyết trình.

Bước 2: Lắng nghe và ghi chép

Trong khi nghe thuyết trình, bạn nên:

- Tập trung lắng nghe nội dung thuyết trình để hiểu quan điểm của người nói.
- Tìm kiếm những dấu hiệu ngôn ngữ để nắm bắt nội dung chính của bài thuyết trình và quan điểm của người nói:
 - Các kiểu câu như: Vấn đề thứ nhất là...; Quan điểm của tôi là...; Tôi nghĩ...; Theo tôi...;...
 - Những nội dung mà người nói nhấn mạnh, nói chậm hoặc kết hợp với phương tiện phi ngôn ngữ.
 - Quan sát gương mặt, thái độ, cử chỉ, ánh mắt, lắng nghe giọng điệu của người thuyết trình để hiểu quan điểm của họ.
- Dùng các từ khoá, cụm từ, sơ đồ dàn ý,... để ghi chép thông tin chính của bài thuyết trình. Lưu ý sắp xếp thông

	<p>tin nghe được theo một trật tự logic để hiểu hơn về ý nghĩa của thông tin.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đánh dấu những nội dung chính, thông tin quan trọng, thú vị bằng bút màu, gạch chân, dấu sao (*),... • Ghi chú những điểm mới mẻ, thú vị về nội dung thuyết trình và cách thức thuyết trình (giọng nói, phong cách, các ví dụ, hình ảnh,...). • Ghi những câu hỏi mà bạn muốn trao đổi với người thuyết trình. <p>Bước 3: Trao đổi, nhận xét, đánh giá</p> <p>Dùng kỹ thuật PMI (plus, minus, interesting) để nhận xét, đánh giá về nội dung và cách thuyết trình, cụ thể là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu và khẳng định những điểm tích cực của bài thuyết trình (P): Bài thuyết trình - của bạn đã đem đến cho tôi cách nhìn mới về vấn đề...; Bằng những ví dụ cụ thể, cách trình bày rõ ràng, bạn đã giúp tôi hiểu rõ vấn đề..... - Nêu một hoặc hai điểm hạn chế hoặc cần trao đổi thêm (M) bằng giọng điệu mềm mỏng, bằng cách đặt câu hỏi: Tôi không hoàn toàn đồng ý với quan điểm của bạn, tôi cho là... vì những lí do sau...; Tôi nghĩ rằng, bài thuyết trình của bạn sẽ thú vị hơn nếu...; Bạn có thể giúp tôi làm rõ vấn đề... hay không? ; - Khẳng định sự thú vị của bài thuyết trình (I): Mặc dù còn một vài điểm như trên nhưng có thể nói, bài thuyết trình của bạn rất ấn tượng...; Tôi học được cách trình bày hấp dẫn, thu hút của bạn...; <p>• Khi trao đổi, bạn nên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trước khi nêu câu hỏi: Nêu điểm tích cực về nội dung và cách thức thuyết trình, xác nhận lại quan điểm của người nói. - Mạnh dạn nêu câu hỏi về những điều chưa rõ. Cần lưu ý hỏi ngắn gọn, mạch lạc, rõ ràng, tránh hỏi quá nhiều hoặc hỏi dồn dập theo kiểu lấn lướt người trình bày. - Tôn trọng quan điểm của người nói, tránh công kích cá nhân.
--	--

Phiếu học tập
Phụ lục 1. Phiếu lập dàn ý bài nói

<p>PHIẾU GIỚI THIỆU VỀ MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC HOẶC TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT</p> <p>Tên tác phẩm văn học/ nghệ thuật:.....</p> <p>Thể loại:</p> <p>Tên tác giả:</p> <p>1. Lí do chọn giới thiệu tác phẩm văn học/ nghệ thuật:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

.....
.....
.....
2. Nội dung giới thiệu tác phẩm văn học/ nghệ thuật:

– Giới thiệu tóm tắt về nội dung và nghệ thuật:
.....
.....
.....
.....
.....
.....

– Giới thiệu về chủ đề, thông điệp của tác phẩm:
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Trình bày một số ý kiến nhận xét, đánh giá/ điều thích hoặc không thích về tác phẩm/ tình cảm, cảm xúc khi đọc/ xem/ nghe tác phẩm:
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Phụ lục 2. Bảng kiểm kỹ năng nói

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
MỞ ĐẦU	Chào hỏi và tự giới thiệu		
	Giới thiệu tên tác phẩm, thể loại, tác giả		
	Nêu lí do chọn tác phẩm một cách thuyết phục và hấp dẫn.		
	Nhận xét khái quát về tác phẩm		
NỘI DUNG TRÌNH BÀY	Giới thiệu đặc điểm, nội dung và hình thức của tác phẩm		
	Giới thiệu chủ đề, thông điệp của tác phẩm		
	Trình bày ý kiến nhận xét, đánh giá về tác phẩm/ điều thích hoặc không thích về tác phẩm/ tình cảm, cảm xúc khi đọc, xem nghe tác phẩm		

	Sắp xếp các ý hợp lí, logic		
KẾT THÚC	Tóm tắt được nội dung trình bày về tác phẩm		
	Khuyến khích người nghe thưởng thức tác phẩm		
	Nêu vấn đề trao đổi hoặc mời gọi sự phản hồi từ người nghe		
	Cảm ơn và chào kết thúc		
KĨ NĂNG TRÌNH BÀY, TƯƠNG TÁC	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, dễ hiểu		
	Sử dụng hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ		
	Tương tác tích cực với người nghe		
	Phản hồi thỏa đáng những ý kiến, quan điểm của người nghe		

Phụ lục 3. Bài nói tham khảo

Tài sản về vật chất có thể nhanh đến và nhanh đi nhưng tài sản về tinh thần thì sẽ luôn luôn được lưu giữ. Người ta cũng không thể đem tài sản tinh thần ra để định giá bởi vì nó là vô giá. Đối với tất cả người dân Việt Nam, chúng ta có nhiều khối tài sản tinh thần chung và trong số đó không thể không nhắc đến đó chính là Truyện Kiều. Tác phẩm giống như một viên ngọc sáng mà tất cả các nhà văn, nhà thơ đều ao ước mình có thể làm nên một tác phẩm như vậy.

Kiệt tác vĩ đại Truyện Kiều được viết bằng chữ Nôm theo thể loại truyện thơ. Toàn bộ tác phẩm gồm 3254 câu thơ lục bát, thể thơ truyền thống của dân tộc. Mặc dù được viết dựa theo cốt truyện cuốn tiểu thuyết “Kim Vân Kiều Truyện” của Thanh Tâm Tài Nhân nhưng Nguyễn Du đã có sự sáng tạo để tạo nên một Đoạn Trường Tân Thanh phù hợp với văn hóa của người Việt và thể hiện được những tinh hoa trong ngôn ngữ của người Việt.

Cốt truyện xoay quanh cuộc đời của Thúy Kiều, một người con sinh ra trong gia đình trung lưu lương thiện. Thúy Kiều vốn có cuộc sống êm đềm bên cha mẹ và hai người em là Thúy Vân và Vương Quan cho đến trước khi sóng gió ập đến.

Cả thiên truyện được chia làm ba phần với phần một có tên là Gặp gỡ và đính ước. Vào ngày hội Đạp Thanh, ba chị em Thúy Kiều cùng nhau đi tảo mộ. Tại đây, Kiều đã gặp nấm mồ của Đạm Tiên và tỏ lòng thương xót cho thân phận của người con gái hồng nhan, bạc mệnh. Lúc chuẩn bị ra về, Kiều lại gặp gỡ Kim Trọng và dường như hai người đã cảm mến nhau ngay từ giây phút đầu gặp gỡ. Sau đó, hai người đã bí mật gặp nhau và cùng nhau đính ước.

Phần hai có tên gọi Gia biến và lưu lạc. Sau khi đính ước, Kim Trọng phải về quê hộ tang chú. Đúng lúc này gia đình Kiều bị vu oan, cha và em Kiều là Vương Quan bị bắt. Để cứu cha và em, Kiều đã phải bán mình để có tiền chuộc. Trước khi ra đi, Kiều đã trao lại mối duyên tình của mình cho em gái Thúy Vân. Sau khi bán mình, Kiều bị Tú Bà, Mã Giám Sinh, Sở Khanh lừa vào chốn lầu xanh. Tại đây, Kiều đã được Thúc Sinh cứu ra để làm vợ lẽ. Thúc Sinh là một khách làng chơi hào phóng nhưng vợ của hắn là Hoạn Thư có tính ghen điên cuồng. Hoạn Thư đã bày mưu tính kế để bắt Kiều về đày đọa. Sau khi trốn thoát, Kiều đã đến nương nhờ nơi cửa Phật và được sư Giác Duyên giúp đỡ. Nhưng sư Giác Duyên vì tin lời Bạc Bà, Bạc Hạnh nên đã giao lầm Kiều vào tay kẻ xấu. Thêm một lần nữa Kiều bị rơi vào chốn lầu xanh. Tại đây, Kiều gặp được Từ Hải, một vị anh hùng đầu đội trời chân đạp đất. Không chỉ chuộc Kiều về làm vợ, Từ Hải còn giúp Kiều báo ân, báo oán. Nhưng nàng Kiều thật thà lại một lần nữa bị kẻ xấu lừa. Tin lời Hồ Tôn Hiến, Kiều đã đẩy Từ Hải vào chỗ chết. Sau đó, Kiều bị bắt phải hầu rượu, đánh đàn trong tiệc mừng công của quân triều và sau cùng bị ép gả cho một viên quan thổ. Vì quá đau xót và tủi nhục cho

chính mình, khi đi qua sông Tiền Đường nàng đã nhảy xuống tự vẫn nhưng may mắn được sư Giác Duyên cứu giúp. Kiều lại tiếp tục sống nương nhờ cửa Phật.

Phần ba có tên gọi là Đoàn tụ. Sau khi hộ tang chú, Kim Trọng đã trở lại để tìm người yêu. Lúc này biết được sự việc Kim Trọng vô cùng đau đớn. Chàng kết duyên với Thúy Vân theo như lời dặn của Kiều nhưng trong lòng vẫn không nguôi nhớ về nàng. Kim Trọng đã đi tìm Kiều ở khắp nơi và may mắn đã cho hai người gặp lại nhau. Ngày đoàn viên của gia đình, Kiều đã quyết định “Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn bầy” để tỏ lòng kính trọng người yêu cũng như bảo vệ danh tiết của mình.

Về nội dung, Truyện Kiều mang đến giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo vô cùng to lớn. Đó là một bức tranh khắc họa chân thực xã hội trước đây đầy rẫy những sự bất công và tàn bạo. Ở đó, con người bị vùi dập, bị tha hóa chỉ vì đồng tiền. Ở xã hội đó xuất hiện quá nhiều những con buôn giáo dõ, nhà chứa nhơ nhớp và cả những tên quan tham ô lại. Người phụ nữ sống trong xã hội ấy bị đối xử một cách tàn nhẫn, bất công, bị chà đạp lên nhân phẩm khiến cho họ sống không bằng chết. Thế nhưng họ vẫn giữ được nhân phẩm, vẫn thể hiện được tài năng và khát vọng tự do, khát vọng tình yêu.

Về nghệ thuật, Truyện Kiều đã cho thấy được tinh hoa trong ngôn ngữ cũng như thể loại văn học của dân tộc. Tác phẩm đã sử dụng thể thơ lục bát một cách quá xuất sắc. Khi đọc tác phẩm, ta thấy một sự gần gũi, thân thuộc nhưng vẫn rất bác học. Có thể nói, nghệ thuật tự sự của tác phẩm đã có bước phát triển vượt bậc.

Cho đến nay, Truyện Kiều đã được dịch ra hơn 20 thứ tiếng và có hàng ngàn công trình nghiên cứu về tác phẩm này. Truyện Kiều không chỉ đưa văn học Việt Nam vươn xa ra thế giới mà còn giúp đất nước và con người Việt Nam ra xa hơn phạm vi quốc gia.

Truyện Kiều hoàn hảo cả về mặt nội dung và nghệ thuật. Những nhân vật trong tác phẩm như là con người thật ngoài đời. Đó là những điều làm nên giá trị tuyệt vời cho tác phẩm này.

(Nguồn: Internet)

Phụ lục 4. Bảng kiểm kỹ năng nghe

	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
CHUẨN BỊ NGHE	Tìm hiểu thông tin về đề tài thuyết trình		
TRONG KHI NGHE	Quan sát gương mặt, thái độ, cử chỉ, ánh mắt, lắng nghe giọng điệu của người thuyết trình		
	Ghi chép tóm tắt nội dung thuyết trình bằng các từ khóa, cụm từ, sơ đồ dàn ý.		
	Đánh dấu những thông tin quan trọng		
	Ghi chú những điểm mới mẻ, thú vị về nội dung và cách thức thuyết trình.		
SAU KHI NGHE	Ghi lại những câu hỏi muốn trao đổi, tranh luận		
	Sử dụng kỹ thuật PMI để nhận xét, đánh giá những ưu điểm, hạn chế của bài thuyết trình về nội dung, cách thức thuyết trình.		
	Có thái độ lịch sự, tích cực khi trao đổi (biết chờ đến lượt mình, xác nhận quan điểm của người nói trước khi trao đổi tôn trọng quan điểm người nói.		
	Trình bày rõ ràng, gãy gọn, mạch lạc vấn đề muốn trao đổi.		

<p>3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP</p> <p>a. Mục tiêu hoạt động: Vận dụng năng lực ngôn ngữ và năng lực cảm thụ thực hành bài nói và nghe</p> <p>b. Nội dung thực hiện HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài nói và nghe theo rubic chấm</p>	
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành nói – nghe theo nhóm hoặc nói trước cả lớp</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo</p>	<p>Dàn ý bài nói tham khảo (Phụ lục)</p>
<p>4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ</p> <p>a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh bàn luận về một vấn đề được đưa ra trong bài nói</p> <p>b. Nội dung thực hiện: HS hoàn thành bài phân tích, đánh giá, chọn một vấn đề mang tính toàn cầu, xã hội để bàn luận cùng bạn bè trong lớp</p>	
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện</p> <p>Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện thảo luận, tranh biện</p> <p>Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình</p> <p>Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo</p>	<p>GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS</p>

5. HDVN:

- Ôn tập văn bản: *Giới thiệu một tác phẩm văn học hoặc một tác phẩm nghệ thuật theo lựa chọn cá nhân.*
- Soạn văn bản – ôn tập

Ngày soạn:.....

Bài 1: THÔNG ĐIỆP TỪ THIÊN NHIÊN (TÙY BÚT, TẢN VĂN)

Tiết: 8.5- 9

**TIẾT: ÔN TẬP
(0.5 tiết)**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Củng cố kiến thức đã học về văn bản *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*, *Cõi lá*, *Trăng sáng trên đầm sen*.
- Luyện tập về cách giải thích nghĩa của từ.
- Củng cố và luyện tập về kĩ năng viết một văn bản thuyết minh (có lồng ghép một số yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm).
- Củng cố lại kiến thức về giới thiệu một tác phẩm văn học/nghệ thuật.

2. Năng lực

Năng lực chung

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- *Năng lực tự chủ và tự học*: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

Năng lực đặc thù

- Củng cố kiến thức đã học về văn bản *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*, *Cõi lá*, *Trăng sáng trên đầm sen*.
- Luyện tập về cách giải thích nghĩa của từ.
- Củng cố và luyện tập về kĩ năng viết một văn bản thuyết minh (có lồng ghép một số yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm).
- Củng cố lại kiến thức về giới thiệu một tác phẩm văn học/nghệ thuật.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ, có ý thức ôn tập và hoàn thành bài đầy đủ.
- Có ý thức vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Đối với học sinh

- SGK, SBT Ngữ văn 11.
- Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS thảo luận cặp đôi, chia sẻ cảm nhận về tình yêu thiên nhiên.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về cảm nhận về tình yêu thiên nhiên.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, trả lời câu hỏi: *Chia sẻ với các bạn cảm nhận của em về tình yêu thiên nhiên.*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS liên hệ thực tế, dựa vào hiểu biết của bản thân và chia sẻ trong nhóm.
- GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày trước lớp.
- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá.
- Gợi mở:

Thiên nhiên là một phần rất quan trọng trong cuộc sống của con người, bao gồm nước, đất, không khí, cây cối, động vật, v.v... Thiên nhiên cung cấp nguồn tài nguyên thiết yếu cho sự sống của con người và cả những sinh vật khác. Tình yêu thiên nhiên là việc chúng ta cần có để bảo vệ môi trường, đảm bảo cuộc sống của con người và sinh vật khác trên trái đất. Tình yêu thiên nhiên dẫn đến những hành động bảo vệ môi trường, giúp giảm thiểu tác động tiêu cực của con người đến môi trường và duy trì sự cân bằng tự nhiên. Khi chúng ta yêu thiên nhiên, chúng ta sẽ có thái độ tôn trọng và trách nhiệm với môi trường, đồng thời đề xuất và tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường để giúp cho trái đất trở nên tốt hơn.

- GV dẫn dắt vào bài học mới: *Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau củng cố kiến thức về Bài 1: Thông điệp từ thiên nhiên.*

B. Củng cố kiến thức bài học

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS củng cố lại kiến thức.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS ôn tập.

c. Sản phẩm học tập: HS nhắc lại kiến thức chung và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>Nhiệm vụ 1: Ôn tập văn bản đọc</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm nhỏ (4-6 HS) và thực hiện những yêu cầu sau:</p>	<p>I. Ôn tập văn bản đọc</p> <p>1. Điểm tương đồng hoặc gần gũi về nội dung (chủ đề, cảm hứng) giữa các văn bản: Ai đã đặt tên cho dòng</p>

+ *Nêu điểm tương đồng hoặc gần gũi về nội dung (chủ đề, cảm hứng) giữa các văn bản: Ai đã đặt tên cho dòng sông?, Cõi lá, Trăng sáng trên đầm sen.*

+ *Từ ba văn bản Ai đã đặt tên cho dòng sông?, Cõi lá, Trăng sáng trên đầm sen, hãy lập bảng tổng hợp về sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và trữ tình theo gợi ý sau: dấu hiệu nhận biết sự kết hợp, yếu tố tự sự, yếu tố trữ tình, tác động của sự kết hợp ấy đến người đọc.*

+ *Tìm đọc thêm một số tùy bút, tản văn về đề tài thiên nhiên. Liên hệ với những văn bản trong bài học để thấy cách tiếp cận riêng của mỗi nhà văn.*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thảo luận nhóm, vận dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ.

- GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 2 – 3 HS lượt trình bày kết quả thảo luận.

- GV yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

- GV chuyển sang nội dung mới.

Nhiệm vụ 2: Ôn tập thực hành tiếng Việt

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn HS thực hiện những yêu cầu sau:

+ *Giải thích nghĩa của từ sau và xác định cách giải thích đã dùng: phẳng lặng, nhấp nháy, cổ thi, chật chội.*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ.

- GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

sông?, Cõi lá, Trăng sáng trên đầm sen.

- Các VB đều lấy thiên nhiên làm đối tượng miêu tả chính.

- Ba VB đều thể hiện niềm mến yêu thiết tha đối với cảnh đẹp của quê hương, đất nước.

- Gắn với miêu tả, tự sự là những nhận định, đánh giá, liên tưởng,...tất cả được bao trùm trong cảm xúc say mê, tạo nên không khí trữ tình cho tác phẩm.

2. Bảng tổng hợp về sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và trữ tình

- GV hướng dẫn HS trả lời bằng cách hoàn thành bảng (trang 100).

3. Tìm đọc thêm một số tùy bút, tản văn về đề tài thiên nhiên

- GV gợi ý cho HS đọc thêm một số tùy bút, tản văn để so sánh.

Ví dụ: tùy bút *Người lái đò sông Đà* – Nguyễn Tuân và tùy bút *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* của Hoàng Phủ Ngọc Tường.

- Cách tiếp cận sự vật của Nguyễn Tuân ở góc độ văn hóa thẩm mỹ, liên tục đan cài nhiều liên tưởng, tưởng tượng thú vị từ kiến thức của nhiều ngành, nhiều lĩnh vực như quân sự, địa lý, thể thao, thi ca để làm nổi bật vẻ đẹp hung bạo và trữ tình của dòng sông Đà.

- Cách tiếp cận của Hoàng Phủ Ngọc Tường với dòng sông Hương là tiếp cận ở nhiều góc độ khác nhau: địa lý, lịch sử, văn hóa, thi ca... để làm nổi bật lên vẻ đẹp trữ tình, đằm thắm có chút huyền bí, man dại của dòng Hương giang.

II. Ôn tập thực hành tiếng Việt

1. Giải thích nghĩa của từ sau và xác định cách giải thích đã dùng: phẳng lặng, nhấp nháy, cổ thi, chật chội.

Gợi ý:

- *Phẳng lặng*: lặng lẽ, êm ả, không xao động.

=> Cách giải thích: Dùng một hoặc một số từ đồng nghĩa, trái nghĩa để giải thích.

- *Nhấp nháy*: 1. (mắt) mở ra, nhắm lại liên tiếp. 2. Có ánh sáng khi lóe ra khi

- GV mời đại diện 1 – 2 HS lượt trình bày kết quả thảo luận.

- GV yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

- GV chuyển sang nội dung mới.

Nhiệm vụ 3: Ôn tập kỹ năng viết văn bản thuyết minh

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn HS thực hiện những yêu cầu sau:

+ Cho đề bài: *Hãy viết văn bản thuyết minh (có lồng ghép một số yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm) về một quy trình hoạt động hoặc một đối tượng mà bạn quan tâm.*

Yêu cầu:

- Lập dàn ý cho đề bài trên.

- Viết đoạn mở bài và một đoạn thân bài.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ.

- GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS lượt trình bày kết quả thảo luận.

- GV yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

- GV chuyển sang nội dung mới.

Nhiệm vụ 4: Ôn tập kỹ năng giới thiệu một tác phẩm văn học/nghệ thuật

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn HS thực hiện những yêu cầu sau:

Để giới thiệu một tác phẩm văn học/ nghệ thuật cũng như nắm bắt nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói hiệu quả, bạn cần lưu ý những điều gì?

tất, liên tiếp.

=> Cách giải thích: Phân tích nội dung nghĩa của từ.

- *Cổ thi*: cổ là xưa, cũ; thi là thơ; cổ thi là thơ cũ, thơ xưa.

=> Cách giải thích: Giải thích từng thành tố cấu tạo nên từ.

- *Chật chội*: chặt, gây nên cảm giác bức bối, khó chịu. (nói khái quát; thường nói về nơi ở).

=> Cách giải thích: Dùng từ đồng nghĩa giải thích, có nêu thêm sắc thái nghĩa (gây nên cảm giác bức bối, khó chịu) và cách dùng của từ ngữ (nói khái quát).

III. Kỹ năng viết văn bản thuyết minh

- Đây là bài tập thực hành viết.

- GV gợi ý cho HS chọn một quy trình hoạt động hoặc một đối tượng nào đó.

- Lưu ý: HS vận dụng các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong quá trình thuyết minh.

IV. Giới thiệu một tác phẩm văn học/nghệ thuật

- Những điểm lưu ý khi giới thiệu (nói) về một tác phẩm văn học / nghệ thuật:

+ Chọn những tác phẩm mình yêu thích, tìm hiểu kỹ về tác phẩm. Nên lựa chọn tác phẩm tùy bút hoặc tản văn để đạt mục đích củng cố kiến thức về thể loại của bài học.

<p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS vận dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu cần thiết). <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện 1 – 2 HS lượt trình bày kết quả thảo luận. - GV yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có). <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. - GV chuyển sang nội dung mới. 	<ul style="list-style-type: none"> + Giới thiệu đầy đủ cả hai phương diện: nội dung và nghệ thuật. + Đưa ra những nhận xét của bản thân. + Từ ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu, sinh động. + Sử dụng kết hợp với các phương tiện phi ngôn ngữ, kết hợp trình chiếu để bài nói sinh động, hấp dẫn. + Trao đổi, tương tác với người nghe trên tin nhắn cầu thị. <p>- <i>Những điểm lưu ý khi nắm bắt (nghe) nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Tìm hiểu trước về bài thuyết trình. + Tập trung lắng nghe, nắm bắt và ghi chép những nội dung chính và quan điểm của người nói. + Đánh dấu những điểm mới mẻ, thú vị hoặc những điểm cần trao đổi. + Có thái độ lịch sự, đúng mực khi trao đổi.
--	--

*** Bảng tổng hợp về sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình trong 3 VB: Ai đã đặt tên cho dòng sông?, Cối lá, Trăng sáng trên đầm sen.**

Văn bản	Dấu hiệu nhận biết sự kết hợp yếu tố tự sự và yếu tố trữ tình	Tác động của sự kết hợp đến người đọc
Ai đã đặt tên cho dòng sông?	Miêu tả thủy trình của sông Hương từ thượng nguồn đổ ra biển trong niềm cảm xúc dạt dào của nhà văn về con sông từ các góc nhìn: thiên nhiên, văn hóa, lịch sử,...	Mở rộng những hiểu biết về sông Hương. Dòng sông như có hồn, gắn bó máu thịt với con người quê hương xứ sở.
Cối lá	Miêu tả cảnh sắc Hà Nội trong hiện tại và kí ức gắn với mỗi mùa cây thay lá với các cung bậc cảm xúc: rộn ràng, hoài niệm, chờ mong, hân hoan, vui sướng...	Yêu mến thiên nhiên Hà Nội và tâm hồn người Hà Nội. Từ đó, có ý thức giữ gìn vẻ đẹp văn hóa của Thủ đô.
Trăng sáng trên đầm sen	Miêu tả cảnh đêm trăng sáng trên đầm sen từ xa đến gần, từ khái quát đến cụ thể với những suy tư, liên tưởng và cảm xúc lắng mạn, bay bổng.	Nhận thức rõ hơn vai trò của thiên nhiên đối với cuộc sống và tâm hồn con người. Được chiêm ngưỡng vẻ đẹp kì diệu của thiên nhiên, tâm hồn con người trở nên cân bằng, tươi mới hơn.

5. HDVN:

- Hoàn thiện bài tập, chủ động ôn tập lại kiến thức *Bài 1 – Thông điệp từ thiên nhiên*.
- Soạn Bài 2 – Văn bản 1 - *Một cây bút và một quyển sách có thể thay đổi thế giới*.